



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
1996

NAFOSTED
Quỹ Phát triển khoa học
& công nghệ Quốc gia

TÀI LIỆU HỘI THẢO

“TRÍ TUỆ NHÂN TẠO – KHUNG PHÁP LÝ VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP VÀ HÀI HÒA CÁC MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO”

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2026

Đơn vị đồng hành





CHƯƠNG TRÌNH HỘI THẢO

“TRÍ TUỆ NHÂN TẠO – KHUNG PHÁP LÝ VIỆT NAM TRÊN CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP VÀ HÀI HÒA HÓA CÁC MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO”

Thời gian: 8h00, Thứ Bảy, ngày 04 tháng 07 năm 2026
Địa điểm: Hội trường A1002, Cơ sở 1, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh,
số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh

8:00 – 8:15		Đón tiếp đại biểu
8:15-8:25		Phát biểu khai mạc PGS.TS. Trần Việt Dũng – Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. HCM, chủ nhiệm đề tài
8:25-8:30		Trao kỷ niệm chương và thư cảm ơn các đơn vị, cá nhân đồng hành
PHIÊN 1: QUẢN TRỊ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO – TỪ GÓC NHÌN PHÁP LÝ TRUYỀN THỐNG ĐẾN NHỮNG VẤN ĐỀ PHI TRUYỀN THỐNG		
Chủ tọa: (1) PGS.TS. Trần Việt Dũng – Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. HCM, chủ nhiệm đề tài (2) PGS.TS. Lê Thị Nam Giang – Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. HCM (3) LS. TS. Nguyễn Quốc Vinh – Scientia Law Firm		
1	8:30 – 8:40	Tổng quan ứng dụng trí tuệ nhân tạo và khung pháp lý quản trị trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam NCS.ThS. Lê Trần Quốc Công Đại diện nhóm nghiên cứu Trường Đại học Luật TP. HCM
2	8:40 – 8:50	Khoảng trống về tính giải thích trong quản trị trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam ThS. Nguyễn Đình Phước Kỹ sư AI, Aittorney.co
3	8:50 – 9:00	Nghĩa vụ minh bạch thông tin trong việc khai thác văn bản và dữ liệu được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan: Kinh nghiệm từ Liên minh Châu Âu và kiến nghị cho Việt Nam TS. Võ Nguyên Hoàng Phúc Phụ trách Viện Sở hữu trí tuệ, Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Ngọc Thuật, Nguyễn Bình Phương Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
4	9:00 – 9:10	AI trong quản trị nhân sự doanh nghiệp: Ranh giới pháp lý giữa công cụ hỗ trợ quyết định và căn cứ xử lý bất lợi đối với người lao động LS. Phan Thị Nhi Công ty Luật LexNovum Lawyers
-	9:10 – 9:40	Thảo luận
GIẢI LAO		
-	9:40 – 10:00	Giải lao – Tea break - Chụp ảnh toàn thể hội thảo
PHIÊN 2: TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ, LAO ĐỘNG VÀ TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH – QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		
Chủ tọa: (1) PGS.TS. Trần Việt Dũng – Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. HCM, chủ nhiệm đề tài (2) TS. Võ Nguyên Hoàng Phúc – Phụ trách Viện Sở hữu trí tuệ, Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo (3) TS. Nguyễn Thị Hoa – Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. HCM		
5	10:00 – 10:10	Trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại do trí tuệ nhân tạo gây ra: Kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị cho Việt Nam

		<i>NCS. ThS. Vũ Thị Thủy</i> Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học & Công nghệ <i>NCS. ThS. Bùi Thị Dung</i> Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội
6	10:10 – 10:20	Công chứng điện tử như một hạ tầng pháp lý số, đáp ứng công nghệ thông minh, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu pháp lý cho nền kinh tế số <i>NCS. ThS. Nguyễn Văn Hòa</i> Chủ tịch Hội công chứng viên TP. HCM, Trưởng Phòng công chứng số 3
7	10:20 – 10:30	Xử lý dữ liệu sinh trắc học bằng trí tuệ nhân tạo trong hệ thống giám sát công cộng: Góc nhìn so sánh từ pháp luật Việt Nam và Trung Quốc <i>TS. Nguyễn Thị Kim Anh, ThS. Phan Phương Ngân</i> Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
8	10:30 – 10:40	Quản trị trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực hành chính công - Từ góc nhìn Luật Trí tuệ nhân tạo <i>ThS. Bùi Thị Hồng Trang</i> Phòng Tái cấu trúc và Kiểm soát Thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội
-	10:40 – 11:15	Thảo luận
BẾ MẠC		
-	11:15 – 11:25	Tổng kết, phát biểu bế mạc <i>PGS.TS. Trần Việt Dũng – Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP. HCM, chủ nhiệm đề tài</i>

ĐƠN VỊ ĐỒNG HÀNH



CHỦ ĐỀ I:
QUẢN TRỊ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO –
TỪ GÓC NHÌN PHÁP LÝ TRUYỀN THỐNG
ĐẾN NHỮNG VẤN ĐỀ PHI TRUYỀN THỐNG

TỔNG QUAN ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ KHUNG PHÁP LÝ QUẢN TRỊ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠI VIỆT NAM

NCS. ThS. Lê Trần Quốc Công

Giảng viên Khoa Luật quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) hiện không còn là một tập hợp kỹ thuật tính toán thuần túy mà đã trở thành một hạ tầng ra quyết định hiện diện trong quản trị công, tư pháp, tài chính, y tế, giao thông, truyền thông và hạ tầng đô thị. Sự dịch chuyển này, từ phòng thí nghiệm sang vận hành xã hội ở quy mô lớn, làm phát sinh ba vấn đề nền tảng cho khoa học pháp lý: xác định đối tượng điều chỉnh, xác lập chủ thể chịu trách nhiệm, và thiết kế các chuẩn mực bảo đảm tính minh bạch cùng khả năng kiểm soát của những quyết định do hệ thống trí tuệ nhân tạo hỗ trợ hoặc tạo ra.¹ Nói cách khác, trí tuệ nhân tạo không chỉ là đối tượng của chính sách công nghệ mà còn là phép thử đối với cấu trúc cổ điển của trách nhiệm, nhân thân pháp lý, thủ tục hợp pháp và nhà nước pháp quyền.

Bài viết không nhằm trình bày khái niệm trí tuệ nhân tạo đã định nghĩa trong các trao đổi học thuật vốn đã được thảo luận rộng rãi. Thay vào đó, bài viết tập trung vào bốn nội dung: thứ nhất, nhận diện các đặc tính kỹ thuật cơ bản của trí tuệ nhân tạo hiện nay và phân loại chúng; thứ hai, phân tích các lĩnh vực ứng dụng thực tiễn nổi bật nhất của trí tuệ nhân tạo trên thế giới và tại Việt Nam; thứ ba, đánh giá những rủi ro và vấn đề đạo đức phát sinh từ chính những ứng dụng đó; và thứ tư, xác định khung pháp luật Việt Nam hiện hành trong việc ứng phó với những thách thức do trí tuệ nhân tạo đặt ra.

Từ khóa: *trí tuệ nhân tạo, đạo đức AI, pháp luật về trí tuệ nhân tạo*

¹Haenlein, Michael, and Andreas Kaplan. "A brief history of artificial intelligence: On the past, present, and future of artificial intelligence." *California Management Review* 61.4 (2019): 5-14.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
1996



Quý Phát triển khoa học
& công nghệ Quốc gia

TỔNG QUAN VỀ ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ KHUNG PHÁP LÝ QUẢN TRỊ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠI VIỆT NAM

NCS. ThS. Lê Trần Quốc Công

Giảng viên Khoa Luật quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh



1

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT – THÁCH THỨC PHÁP LÝ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
1996



Quý Phát triển khoa học
& công nghệ Quốc gia



2

CÁC ỨNG DỤNG THÔNG DỤNG CỦA AI



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
1996



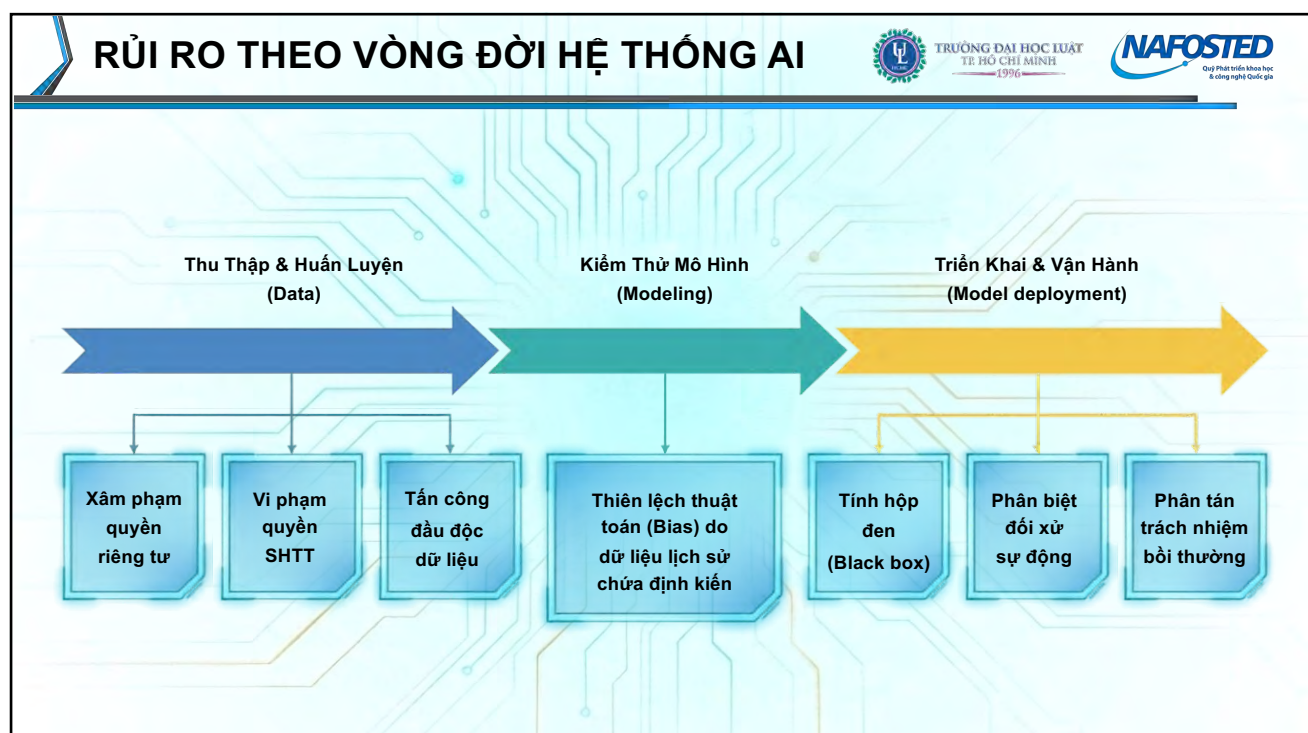
Lĩnh Vực	Ứng Dụng
 Tư Pháp & Hành Chính	Tra cứu án lệ, quyết định phúc lợi công, dịch vụ công...
 Y Tế	Hỗ trợ chẩn đoán lâm sàng, thiết bị y tế rủi ro cao, phẫu thuật....
 Nền Tảng Số	Kiểm duyệt nội dung, giáo dục cá nhân hóa....
 Tài Chính	Chấm điểm tín dụng, e-KYC, xác thực thẻ nhân...
 Hạ Tầng Giao Thông	Phương tiện tự hành, giao thông thông minh.

3

RỦI RO THEO VÒNG ĐỜI HỆ THỐNG AI



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
1996

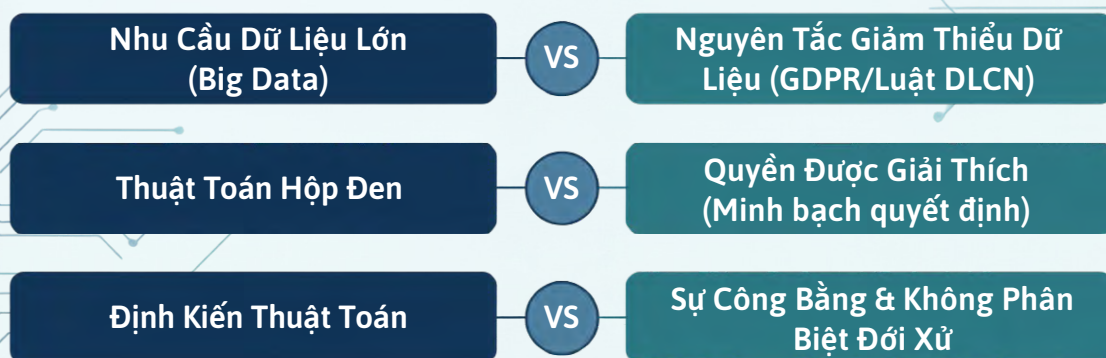


4

NHỮNG NGHỊCH LÝ ĐIỂN HÌNH



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
1996

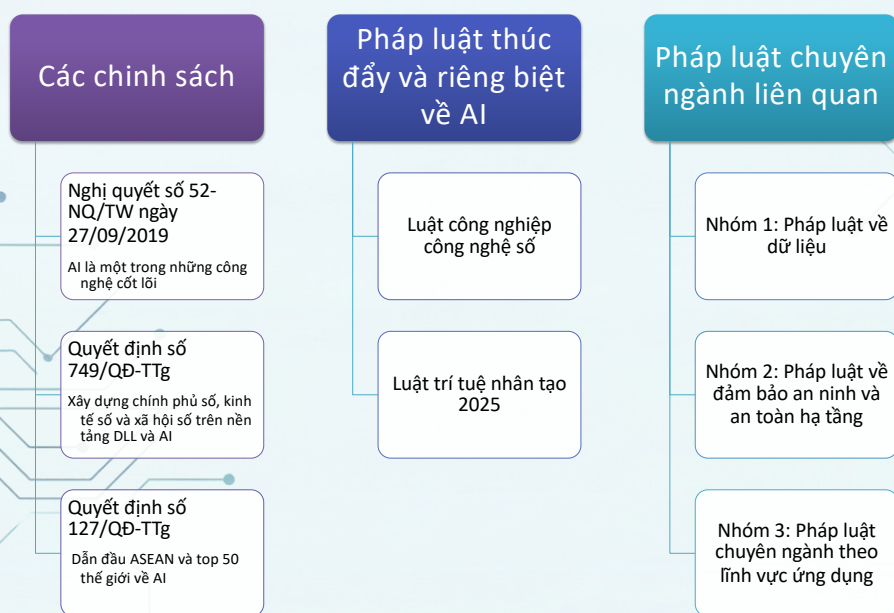


5

TỔNG QUAN KHUNG PHÁP LÝ HIỆN HÀNH



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
1996



6

KẾT LUẬN



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
1996



Quỹ Phát triển Khoa học
và Công nghệ Quốc gia

01

TÍNH RỦI RO LIÊN NGÀNH

Đặc tính hộp đen, tự động hóa và phân tán trách nhiệm biến AI thành thách thức vượt ngoài ngành công nghệ, đòi hỏi quản trị cả vòng đời.

02

NỖ LỰC LẬP PHÁP

Số lượng văn bản luật mới ban hành lớn (Luật AI, Luật BV DLCN, Luật Dữ liệu, Luật Công nghiệp công nghệ số....)

03

LUẬT CỨNG & TIÊU CHUẨN MỀM

Luật nên tạo ra cơ sở để bảo vệ quyền cơ bản nhưng đồng thời linh hoạt bằng các tiêu chuẩn phù hợp với doanh nghiệp để không hạn chế công nghệ.

KHOẢNG TRỐNG VỀ TÍNH GIẢI THÍCH TRONG QUẢN TRỊ AI TẠI VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Đình Phước
Kỹ sư AI, Aittorney.co

Tóm tắt

Luật Trí tuệ nhân tạo 2025 của Việt Nam tiếp thu kiến trúc kỹ thuật từ Đạo luật AI của EU (phân loại rủi ro, đánh giá sự phù hợp) nhưng đặt trong một mô hình thực thi tập trung, thiếu vắng vai trò của các tổ chức kiểm toán độc lập và cơ chế bảo vệ quyền. Sử dụng lăng kính triết học pháp lý về luật tính toán, bài viết chỉ ra sự bất tương thích cấu trúc giữa yêu cầu tuân thủ xác định của pháp luật hành chính và bản chất xác suất tự thích nghi của thuật toán, tạo ra một “khoảng trống quản trị mang tính giải thích”. Trong khi quản trị AI đòi hỏi giám sát liên tục, năng lực chuyên môn phân tán và quyền phản biện của công dân, thì khuôn khổ pháp lý hiện hành lại tập trung hóa quyền kiểm soát vào cơ quan hành chính và an ninh nhà nước, gây nguy cơ đình trệ thực thi và hạn chế đổi mới sáng tạo hạ nguồn. Để tránh rủi ro thất bại trong thực thi, bài viết đề xuất các cải cách dịch chuyển sang mô hình đồng quản lý đa bên, bao gồm: kiểm toán thuật toán độc lập, cơ chế an toàn cho SME, phi an ninh hóa hộp cát thử nghiệm, và trao quyền giải thích thuật toán cho người bị ảnh hưởng.

Khoảng trống về tính giải thích trong quản trị AI tại Việt Nam

Đánh giá Luật TTNT 2025 dưới góc nhìn đa chiều: Khoảng cách giữa pháp luật thành văn và thực tế luật tính toán

Hội thảo: TRÍ TUỆ NHÂN TẠO – KHUNG PHÁP LÝ VIỆT NAM TRÊN CON
ĐƯỜNG HỘI NHẬP VÀ HAI HÒA HÓA CÁC MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO
Th.S Nguyễn Đình Phước | Chuyên gia Công nghệ AI | Nhà nghiên cứu Luật học



Giới thiệu: Góc nhìn đa chiều & “Sai lầm Phân loại”

- **Bối cảnh toàn cầu:** Các khung lý thuyết về luật tính toán được nghiên cứu và thảo luận rộng rãi trên diễn đàn thế giới.
- **Bối cảnh pháp lý tại Việt Nam:** Luật TTNT 2025 (Luật số 134) và Nghị định 142/2026/NĐ-CP đang tạo khung quản trị cho AI tại Việt Nam, nhưng có những đoạn “mã nguồn” pháp lý rất khó vận hành trên thực tế.
- **Vấn đề cốt lõi:** Các “Sai lầm Phân loại” dễ mắc phải khi chúng ta dùng luật để quản lý công nghệ động, có tính xác suất và tự thay đổi bằng công cụ tiền kiểm tĩnh — vốn chỉ dùng cho sản phẩm có đặc tính vật lý, kỹ thuật cố định.
- **Hệ quả:** Tư duy mệnh lệnh và kiểm tra cứng nhắc tạo ra sự đình trệ.

Thống kê định lượng về ngôn ngữ lập pháp

Trong ngoặc: Tính trên mỗi 10k từ

Khái niệm	Luật TTNT	Nghị định 142	EU AI Act
AI / Hệ thống AI (AI / AI System)	319 (293.12)	652 (244.29)	2805 (310.00)
Rủi ro/ Quản lý rủi ro (Risk / Risk Management)	67 (61.56)	207 (77.56)	802 (88.64)
Rủi ro cao (High Risk)	34 (31.24)	75 (28.10)	1583 (174.95)
Minh bạch / Gắn nhãn / Công khai (Transparency / Labeling / Disclosure)	47 (43.19)	102 (38.22)	150 (16.58)
Hộp cát/ Thử nghiệm (Sandbox / Controlled Testing)	24 (22.05)	197 (73.81)	342 (37.80)
Nhà cung cấp / Nhà phát triển / bên triển khai (Provider / Developer / Deployer)	60 (55.13)	131 (49.08)	766 (84.66)
Quản lý/Giám sát - (State Management / Oversight / Governance)	70 (64.32)	168 (62.94)	806 (89.08)
Kiểm soát & Giám sát con người (Human Control & Oversight)	4 (3.68)	4 (1.50)	18 (1.99)

Khung lý thuyết: “Luật viết” và “Mã nguồn”

4 mô hình điều chỉnh - Lessig

Hành vi con người được điều chỉnh bởi mô hình 4 lực tác động:

- 1. Pháp luật:** Các quy tắc ràng buộc mang tính mệnh lệnh hành chính.
- 2. Thị trường:** Động lực kinh tế và chi phí điều hướng hành vi.
- 3. Chuẩn mực xã hội:** Kỳ vọng chung và áp lực từ cộng đồng.
- 4. Kiến trúc (Code):** Các rào cản vật lý hoặc mã nguồn kỹ thuật số.

Luật viết bằng Văn bản

Mireille Hildebrandt (Text-Driven)

Trong lịch sử, luật pháp dựa trên ngôn ngữ văn bản viết.

Cho phép con người sử dụng ngôn ngữ để **tranh luận, phản biện** và diễn dịch một cách linh hoạt trước cơ quan tài phán.

Tồn tại khoảng không lý trí cho sự suy luận, thấu cảm và thích ứng thực tế.

Luật dựa trên Mã nguồn

Ký nguyên AI (Code-Driven)

Sự trỗi dậy của AI tạo ra trật tự luật pháp thực thi bằng thuật toán.

Quy tắc được áp dụng **tự động, tuyệt đối** thông qua cơ chế xác suất thống kê.

Gần như **triệt tiêu hoàn toàn** không gian đối thoại và phản biện bằng ngôn ngữ tự nhiên.

Khoảng trống Quản trị Giải thích (Interpretive Governance Gap)

Sự đứt gãy giữa một bên là “Văn bản luật tính mang tính mệnh lệnh” và một bên là “Kiến trúc thuật toán động mang tính xác suất”.

Khoảng cách Bản thể: Chứng nhận tĩnh vs. Trôi lệch Mô hình

Quy định pháp lý

- Điều 13 yêu cầu nhà cung cấp hệ thống rủi ro cao phải đánh giá và đánh giá lại khi có “thay đổi đáng kể”, nhưng lại quy định bên triển khai phải giám sát sự sai lệch
- Giống như cấp chứng nhận đăng kiểm cho một chiếc ô tô — tiền kiểm tĩnh, một lần rồi thôi.

Thực tế công nghệ

- AI là hệ thống tự thích nghi — hành vi thay đổi liên tục qua Model Drift và Data Drift.
- Không cần sửa code, hành vi tự động thay đổi qua dữ liệu người dùng hoặc cập nhật API từ nhà cung cấp.

- Câu hỏi then chốt:** Nếu mô hình tự dịch chuyển hiệu năng, doanh nghiệp có phải đi xin đánh giá lại không? Mặt khác, Sự “sai lệch” tự thân không bị coi là “thay đổi đáng kể”, tạo ra một vùng xám khổng lồ không bị tái kiểm định

Giải pháp: Quy trình giám sát và kiểm toán liên tục trong suốt vòng đời

Khoảng cách Chuỗi Giá trị: Rủi ro đẩy về hạ nguồn

- Khoản 2 Điều 29:** Trách nhiệm nghiêm ngặt (*strict liability*) đối với bên triển khai (*deployer*) — nếu AI gây thiệt hại, doanh nghiệp phải bồi thường trước.
- Thực tế:** Đa số startup AI Việt Nam chỉ xây dựng ứng dụng “wrapper” — gọi API từ OpenAI, Google, Anthropic. Không tự xây mô hình nền tảng.
- Bất công:** Startup chịu toàn bộ trách nhiệm pháp lý nhưng không thể can thiệp vào mã nguồn hay dữ liệu huấn luyện của Big Tech.
- Lá chắn pháp lý:** Hợp đồng API của Big Tech là hợp đồng mẫu, từ chối mọi trách nhiệm. Điều 14.1.e còn cho phép giữ kín mã nguồn dưới dạng “bí mật kinh doanh”.
- Kết quả:** Quy định vô tình tạo lá chắn bảo vệ tập đoàn công nghệ lớn ở nước ngoài, trong khi đẩy toàn bộ rủi ro pháp lý lên vai các startup trong nước.

Khoảng cách Sandbox: Kiểm soát an ninh vs. Thử nghiệm

Điều 21 của Luật — Cơ chế tiến bộ:

Sandbox cho phép doanh nghiệp thử nghiệm AI trong môi trường an toàn.

Nghị định 142 — Rào cản:

Sandbox chia 3 cấp. Cấp 3 (dữ liệu nhạy cảm/an ninh) do Bộ Công an quản lý.

Thực tế ngành AI:

AI fintech, medtech **bắt buộc** dùng dữ liệu nhạy cảm để huấn luyện.



- **Hệ quả:** Nếu doanh nghiệp không được dùng cloud API quốc tế, buộc mua phần cứng để tự vận hành mô hình nguồn mở quy mô nhỏ. Sandbox từ "sân chơi công nghệ" thành "vùng kiểm soát an ninh".

"Sandbox chỉ thực sự trở thành công cụ cạnh tranh thế chế khi được thiết kế như một thiết chế pháp lý chiến lược, ổn định và có khả năng mở rộng cho đối mới sáng tạo công nghệ cao."

Khoảng cách Vận hành: Kế hoạch "Giám sát của Con người"

- **Lối thoát pháp lý:** Điểm b Khoản 2 Điều 8 Nghị định 142 — hệ thống rủi ro cao được **miễn trừ nghĩa vụ** nếu có sự giám sát đáng kể của con người.
- **Thực tế tâm lý học:** Thiên kiến Tự động hóa (*Automation Bias*) — con người có xu hướng tin tưởng mù quáng vào đề xuất của thuật toán khi làm việc liên tục với máy móc.
- **Khoảng cách trong vận hành:** Nhân sự hành chính phải duyệt hàng trăm hồ sơ mỗi ngày — không đủ thời gian và khả năng kỹ thuật để phản biện lại quyết định của mô hình học sâu.
- **Kế hoạch tuần thủ:** Doanh nghiệp chỉ cần lập quy trình giám sát trên giấy tờ — thuê nhân viên **click chuột duyệt tự động** để hợp thức hóa hồ sơ.

- **Hệ quả:** Rủi ro thực chất của AI vẫn giữ nguyên, nhưng doanh nghiệp đã tìm được **lối thoát hợp pháp để lách luật** — giám sát chỉ còn là hình thức.

Lộ trình Kiến nghị: **Hướng tới Khung Quản trị Thực chất**



01

Phân bổ lại trách nhiệm

Sửa Khoản 2 Điều 29 để ràng buộc trách nhiệm liên đới của nhà cung cấp mô hình nền tảng. Tạo cơ chế “**Bến đỗ An toàn**” (Safe Harbors) bảo vệ startup SME.

02

Trả lại bản chất Sandbox

Chuyển điều phối Sandbox Level 3 sang sự quản lý kết hợp giữa Bộ KH&CN + Bộ TT&TT. Cơ quan an ninh chỉ tham gia ở góc độ tư vấn kỹ thuật.

03

Xã hội hóa giám sát

Ủy quyền cho tổ chức chuyên môn độc lập như **Hội Tin học Việt Nam (VAIP)** thực hiện kiểm toán thuật toán định kỳ.

- **Thông điệp:** Luật thành văn cần tương thích với thuộc tính của mã nguồn. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể bảo vệ quyền lợi người dân mà vẫn **tạo điều kiện** cho các **kỹ sư Việt Nam** sáng tạo công nghệ tương lai.



Xin trân trọng cảm ơn

quý vị đã lắng nghe

NGHĨA VỤ MINH BẠCH THÔNG TIN TRONG VIỆC KHAI THÁC VĂN BẢN VÀ DỮ LIỆU ĐƯỢC BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN: KINH NGHIỆM TỪ LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

TS. Võ Nguyên Hoàng Phúc

*Viện Sở hữu trí tuệ, Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo
Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh*

Nguyễn Ngọc Thuật; Nguyễn Bình Phương

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Bài viết tập trung phân tích khung pháp lý của Liên minh Châu Âu về nghĩa vụ minh bạch thông tin trong hoạt động khai thác văn bản và dữ liệu, từ đó chỉ ra những rào cản thực thi và xu hướng chuyển dịch sang hệ thống đăng ký tập trung. Trên cơ sở đối chiếu khoảng trống pháp lý tại Việt Nam, bài viết đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo cơ sở phát triển AI bền vững đồng thời bảo vệ hiệu quả quyền lợi hợp pháp của chủ thể quyền.

Từ khóa: khai thác văn bản và dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, quyền tác giả, minh bạch.

Đặt vấn đề:

Góp phần cho sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (Sau đây gọi tắt là “AI”) chính là hoạt động khai thác văn bản và dữ liệu (Sau đây gọi là “TDM”) nhằm huấn luyện các mô hình AI. Tuy nhiên, vấn đề này cũng làm phát sinh những xung đột giữa nhu cầu khai thác dữ liệu để phát triển công nghệ và quyền lợi hợp pháp đối với tác phẩm của chủ thể quyền.² Để giải quyết thách thức trên, ngoại lệ TDM ra đời với mục tiêu thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi cho chủ thể quyền. Song song với đó, việc đặt ra nghĩa vụ minh bạch vô cùng cần thiết để thực thi hiệu quả các ngoại lệ này. Dù pháp luật Việt Nam đã bước đầu ghi nhận nghĩa vụ minh bạch đối với hệ thống AI, song khung pháp lý hiện hành vẫn còn sơ khai và chưa ghi nhận trách nhiệm minh bạch trong hoạt động TDM.

Liên minh Châu Âu (Sau đây gọi tắt là “EU”) là khu vực tiên phong trong việc quy định ngoại lệ về TDM và nghĩa vụ minh bạch trong hoạt động TDM thông qua Chỉ thị số 2019/790 về Quyền tác giả trong thị trường kỹ thuật số đơn nhất (Sau đây gọi là “Chỉ thị 2019/790”) và Luật EU số 2024/1689 (Sau đây gọi là “Đạo luật AI”). Dẫu còn một số hạn

² Hà Thị Thuý và Đặng Thị Hồng Minh, “Pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trước thách thức của sự phát triển trí tuệ nhân tạo và gọi mở cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã Hội Việt Nam*, Số 8, 2025, tr.68–69, DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.659>. Trong bài viết này, thuật ngữ “học máy” được sử dụng thay cho TDM. Tuy nhiên, vì cùng sử dụng các thuật toán cốt lõi để phát hiện mẫu trong dữ liệu nên hai thuật ngữ trên nhìn chung là tương đồng nhau. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất, thuật ngữ “TDM” sẽ được sử dụng trong xuyên suốt bài viết. Xem thêm Eleonora Rosati, “The Exception for Text and Data Mining (TDM) in the Proposed Directive on Copyright in the Digital Single Market – Technical Aspects”, 2018, p.2, [https://www.europarl.europa.eu/thinktank/en/document/IPOL_BRI\(2018\)604942](https://www.europarl.europa.eu/thinktank/en/document/IPOL_BRI(2018)604942) (truy cập ngày 30/6/2026).

chế, EU vẫn đang tích cực nhằm tìm ra giải pháp khắc phục các lỗ hổng thực thi trên thực tế đối với nghĩa vụ minh bạch trên. Do đó, việc nghiên cứu pháp luật và các thảo luận hiện nay của EU đóng vai trò là những kinh nghiệm quý giá để Việt Nam so sánh, đối chiếu và học hỏi nhằm xây dựng cơ chế minh bạch trong hoạt động TDM.

Bằng phương pháp phân tích tổng hợp và so sánh luật, bài viết tập trung phân tích các quy định hiện hành của EU về nghĩa vụ minh bạch trong TDM cùng những thảo luận mới nhất nhằm tăng cường tính thực thi của quy định này, từ đó đưa ra các kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam. Nội dung bài viết đi sâu vào ba nội dung chính: (i) Tổng quan về nghĩa vụ minh bạch trong TDM đối với tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; (ii) Nghĩa vụ minh bạch trong TDM tại EU; (iii) Thực trạng pháp luật Việt Nam và kiến nghị.

NGHĨA VỤ MINH BẠCH THÔNG TIN TRONG VIỆC KHAI THÁC VĂN BẢN VÀ DỮ LIỆU ĐƯỢC BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN: KINH NGHIỆM TỪ LIÊN MINH CHÂU ÂU VÀ KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

TS. Võ Nguyên Hoàng Phúc
Nguyễn Ngọc Thuật
Nguyễn Bình Phương



PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ NGHĨA VỤ MINH BẠCH THÔNG TIN VÀ TDM

- Ngoại lệ TDM và trách nhiệm minh bạch



PHẦN 2: KHUNG PHÁP LÝ CỦA EU



Chỉ thị 2019/790



Điều 03

- Tổ chức nghiên cứu và tổ chức di sản văn hóa được quyền sao chép, trích xuất tác phẩm để nghiên cứu khoa học khi có quyền truy cập hợp pháp.
- Loại trừ quyền bảo lưu.

Điều 04

- Hoạt động TDM với mọi mục đích.
- Quyền bảo lưu quyền bằng phương tiện phù hợp, đặc biệt là định dạng máy có thể đọc.

PHẦN 2: KHUNG PHÁP LÝ CỦA EU



Đạo luật AI 2024/1689

Nhà cung cấp GPAI có trách nhiệm:

- Nhận diện và thực hiện yêu cầu bảo lưu theo Điều 4 Chỉ thị 2019/790.
- Xây dựng và công khai bản tóm tắt dữ liệu huấn luyện theo mẫu của Văn phòng AI.

PHẦN 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ



Pháp luật sở hữu trí tuệ



Luật SHTT số 25/2005/QH12: khoản 5 Điều 7, cho phép TDM phục vụ nghiên cứu khoa học, thử nghiệm và huấn luyện AI.



Nghị định 17/2023/NĐ-CP, số 134/2026/NĐ-CP: bổ sung Điều 37a, 37b, 37c để hướng dẫn thực hiện ngoại lệ TDM



Quy định gồm ngoại lệ TDM bắt buộc và quyền bảo lưu.

PHẦN 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Phương thức thực hiện quyền bảo lưu:

- Siêu dữ liệu, biện pháp công nghệ hoặc thông tin quản lý quyền mà máy đọc được.
- Công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan.
- Hiện nay cơ chế này là phù hợp, nhưng về lâu dài nên xây dựng cơ chế đăng ký tập trung tương tự EU.





PHẦN 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Pháp luật AI của Việt Nam

- Điều 11 Luật TTNT và Điều 16 NĐ 142/2026/NĐ-CP: nghĩa vụ minh bạch.
- Nghĩa vụ minh bạch hiện chủ yếu áp dụng đối với nhà cung cấp và bên triển khai AI.

PHẦN 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Bất cập và kiến nghị

Bất cập:

- Chưa quy định trách nhiệm minh bạch của nhà phát triển AI.
- Chưa yêu cầu minh bạch về dữ liệu huấn luyện và hoạt động TDM.

Kiến nghị:

- Bổ sung trách nhiệm minh bạch cho nhà phát triển AI.
- Tiếp cận tương tự quy định của EU đối với dữ liệu huấn luyện.
- Yêu cầu công khai bản tóm tắt dữ liệu huấn luyện.
- Giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành biểu mẫu thống nhất



PHẦN 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ



Kết luận

- Nghĩa vụ minh bạch thông tin là điều kiện để ngoại lệ TDM được thực hiện hiệu quả.
- Kinh nghiệm của EU là cơ sở tham khảo quan trọng cho Việt Nam.
- Cần hoàn thiện pháp luật về minh bạch dữ liệu huấn luyện nhằm bảo vệ quyền tác giả và thúc đẩy phát triển AI.

CẢM ƠN MỌI NGƯỜI ĐÃ THEO DÕI

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

TS. VÕ NGUYỄN HOÀNG PHÚC

- Viện Sở hữu trí tuệ, Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
- Giảng viên Khoa Luật Quốc tế – Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Tel: 0907892691

Email: vnphuc@hcmulaw.edu.vn

AI TRONG QUẢN TRỊ NHÂN SỰ DOANH NGHIỆP: RANH GIỚI PHÁP LÝ GIỮA CÔNG CỤ HỖ TRỢ QUYẾT ĐỊNH VÀ CĂN CỨ XỬ LÝ BẤT LỢI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

LS. Phan Thị Nhi

Công ty Luật LexNovum Lawyers

Tóm tắt

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị nhân sự ngày càng phổ biến và đang từng bước làm thay đổi cách thức doanh nghiệp tuyển dụng, đánh giá hiệu suất, giám sát lao động, xử lý kỷ luật và chấm dứt hợp đồng lao động. Trong bối cảnh Việt Nam đang từng bước hình thành khung pháp lý về AI và bảo vệ dữ liệu cá nhân (DLCN), quản trị nhân sự là một trường hợp điển hình để kiểm nghiệm khả năng vận hành của các nguyên tắc pháp lý mới trong một quan hệ vốn có sự bất cân xứng về quyền lực và thông tin. Vấn đề pháp lý đặt ra là kết quả do AI tạo ra có thể được sử dụng đến đâu như một căn cứ cho các quyết định bất lợi đối với người lao động, đồng thời cần được kiểm soát như thế nào để bảo đảm hài hòa giữa hiệu quả quản trị, quyền quản lý của doanh nghiệp và quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động (NLĐ). Bằng phương pháp phân tích luật viết, so sánh luật và nghiên cứu tình huống, bài viết làm rõ ranh giới giữa AI với tư cách là công cụ hỗ trợ quyết định và AI như căn cứ thực chất của quyết định nhân sự. Trên cơ sở phân tích pháp luật Việt Nam và đối chiếu với kinh nghiệm của Liên minh châu Âu (EU), bài viết chỉ ra ba nhóm vấn đề nổi bật: yêu cầu kiểm soát và rà soát thực chất của con người đối với kết quả AI; giới hạn giá trị chứng minh của kết quả AI trong xử lý kỷ luật hoặc chấm dứt HĐLĐ; và tính hợp pháp, minh bạch, đúng mục đích, chính xác của DLCN được sử dụng làm đầu vào cho hệ thống AI. Bài viết cho rằng kết quả AI không thể tự thân thay thế nghĩa vụ chứng minh của NSDLĐ, cũng không thể được sử dụng như căn cứ độc lập để xử lý bất lợi nếu dữ liệu đầu vào được thu thập trái pháp luật, tiêu chí đánh giá không được công bố rõ ràng hoặc không có sự kiểm tra thực chất của con người. Từ đó, bài viết đề xuất một số gợi mở hoàn thiện pháp luật và khuyến nghị cho doanh nghiệp trong quá trình sử dụng AI vào quản trị nhân sự.

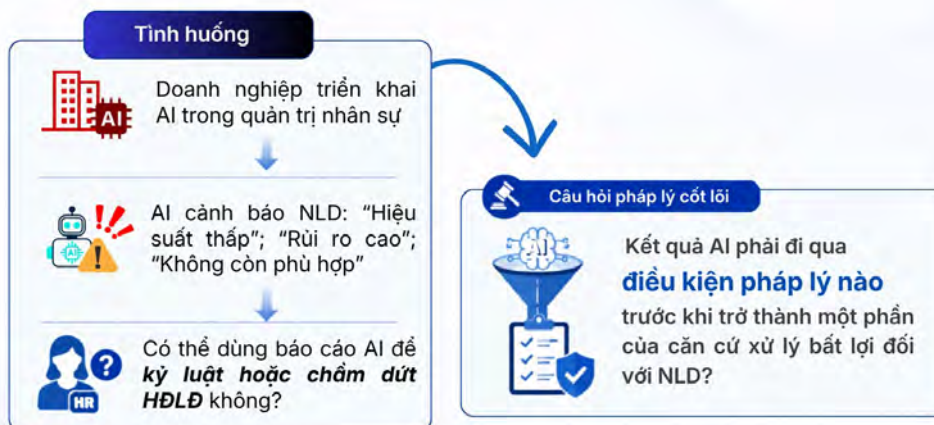
Từ khóa: *AI trong quản trị nhân sự; quản lý bằng thuật toán; xử lý bất lợi đối với người lao động, bảo vệ DLCN; quản trị rủi ro AI.*

AI TRONG QUẢN TRỊ NHÂN SỰ: **RANH GIỚI PHÁP LÝ** GIỮA CÔNG CỤ HỖ TRỢ QUYẾT ĐỊNH & CĂN CỨ XỬ LÝ BẤT LỢI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Người trình bày: LS. Phan Nhi
Công ty TNHH Bách Luật (LexNovum Lawyers)



ĐẶT VẤN ĐỀ



TỔNG QUAN VỀ ỨNG DỤNG AI TRONG QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

AI trong quản trị nhân sự



1. Tuyển dụng: sàng lọc hồ sơ, xếp hạng ứng viên, phân tích phỏng vấn,...



2. Đào tạo & phát triển: xác định khoảng trống kỹ năng, hồ sơ năng lực, lộ trình học tập,...



3. Quản lý hiệu suất: theo dõi dữ liệu thời gian thực, đánh giá kết quả, cảnh báo suy giảm năng suất,...



4. Quyết định nhân sự sâu hơn: dự báo nghỉ việc, xử lý kỷ luật, khóa tài khoản, chấm dứt công việc,...



Bài viết tập trung vào **giai đoạn sau khi quan hệ lao động đã được xác lập.**

Mặt tích cực



Giảm chi phí



Tăng hiệu quả vận hành



Chuẩn hóa quá trình ra quyết định trên cơ sở dữ liệu

Hệ quả

Kết quả từ AI có thể trở thành căn cứ trực tiếp để áp dụng biện pháp bất lợi đối với NLĐ:



Đánh giá không đạt yêu cầu



Xử lý kỷ luật NLĐ



Chấm dứt HĐLĐ hoặc quyết định có hệ quả tương tự

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ VIỆC ỨNG DỤNG AI TRONG QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

Pháp luật hiện hành

- Chưa có quy định chuyên biệt, trực tiếp và đầy đủ để điều chỉnh riêng việc ứng dụng AI trong quản trị nhân sự doanh nghiệp.
- Có thể được xem xét trong mối liên hệ giữa ba nhóm quy định: **pháp luật về AI, pháp luật lao động và pháp luật về bảo vệ DLCN.**



Pháp luật về AI



Pháp luật lao động



Pháp luật về bảo vệ DLCN

Pháp luật về AI



Con người làm trung tâm, AI không thay thế trách nhiệm con người (Điều 4.1, 4.2 LTTNT)



Phân loại AI rủi ro cao (Điều 9 LTTNT), yêu cầu đánh giá phù hợp (Điều 13 LTTNT)



Nghĩa vụ quản lý rủi ro & minh bạch (Điều 14 LTTNT)

Pháp luật lao động



Cấm phân biệt đối xử (Điều 8.1 BLLĐ)



Tuân thủ quy trình xử lý kỷ luật, quyền bào chữa (Điều 122 BLLĐ)



Căn cứ đánh giá hoàn thành công việc phải hợp lệ (Điều 36 BLLĐ; Nghị định 145/2020/NĐ-CP).

Pháp luật về bảo vệ DLCN



Nguyên tắc xử lý DLCN: xử lý đúng phạm vi, đúng mục đích cụ thể, rõ ràng và bảo đảm tính chính xác (Điều 3.2 LBVDLCN)

Quyền của chủ thể dữ liệu (Điều 4.1 LBVDLCN):



Được biết



Xem, chỉnh sửa



Đồng ý/không đồng ý

Và các quyền khác theo Điều 4.1 LBVDLCN

Các quy định pháp luật hiện hành phân tán theo từng lĩnh vực, trong khi quản trị nhân sự bằng AI là vấn đề liên ngành: **Dữ liệu - Thuật toán - Quyền NLĐ**

Vấn đề cần làm rõ: Điều kiện sử dụng kết quả AI làm căn cứ cho các quyết định bất lợi đối với NLĐ.

CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC DÙNG AI LÀM CĂN CỨ XỬ LÝ BẤT LỢI

Khi kết quả AI được sử dụng để làm căn cứ xử lý bất lợi cho NLD, các nguyên tắc pháp lý hiện hành cần được kiểm tra ở ba phương diện:



Tính hợp pháp của dữ liệu đầu vào

Kết quả AI chỉ có thể được xem xét nếu dữ liệu đầu vào được thu thập, xử lý và sử dụng hợp pháp.

Nếu dữ liệu đầu vào trái pháp luật, vượt quá mục đích, thiếu minh bạch hoặc không chính xác, thì kết quả AI không nên được dùng làm căn cứ xử lý bất lợi đối với NLD.



Giá trị chứng minh của kết quả AI

Kết quả AI không thể tự thân thay thế nghĩa vụ chứng minh của NSDLĐ trong xử lý kỷ luật hoặc đơn phương chấm dứt HĐLĐ.

Trong hoạt động xử lý kỷ luật lao động:

NSDLĐ phải chứng minh được lỗi của NLD → **Đảm bảo NLD được bào chữa**



Kiểm soát thực chất bởi con người

Pháp luật đã yêu cầu AI không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người, phải duy trì sự kiểm soát và khả năng can thiệp của con người.

Chưa làm rõ thế nào là sự kiểm soát thực chất, quyết định thực tế vẫn do thuật toán chi phối

→ **Nguy cơ con người chỉ phê duyệt hình thức**

Kết quả AI không nên được nhìn nhận như một căn cứ độc lập và tự động để xử lý bất lợi đối với NLD

KINH NGHIỆM TỪ LIÊN MINH CHÂU ÂU

CÁCH TIẾP CẬN CỦA EU



Dữ liệu đầu vào



Mục đích xử lý



Logic đánh giá



Can thiệp của con người



Quyền được biết & phản biện



GDPR

- NLD có quyền không phải chịu quyết định được đưa ra hoàn toàn dựa trên xử lý tự động nếu tạo ra hệ quả pháp lý hoặc ảnh hưởng đáng kể (Điều 22.1).
- Dù có ngoại lệ, bên kiểm soát dữ liệu vẫn phải bảo đảm: quyền có sự can thiệp của con người, quyền trình bày quan điểm và quyền phản đối quyết định (Điều 22.3).
- Người phê duyệt cuối cùng phải có đủ thông tin, năng lực và thẩm quyền để kiểm tra, đánh giá và bác bỏ kết quả AI khi cần



AI EU AI Act

- Nhiều hệ thống AI nhân sự được xếp vào nhóm hệ thống AI có rủi ro cao (Điều 6.2 kết hợp Phụ lục III, điểm 4).
- Bên triển khai phải: phân công người giám sát có năng lực và thẩm quyền phù hợp; thông báo cho NLD hoặc đại diện NLD khi hệ thống AI rủi ro cao được sử dụng tại nơi làm việc.



Chỉ thị (EU) 2024/2831

- Minh bạch:** Phải thông báo cho NLD về việc sử dụng hệ thống ra quyết định tự động, loại dữ liệu và các tham số chính được tính đến, mức độ quan trọng tương đối của các tham số (Điều 9.1).
- Giám sát của con người:** Phải bố trí nhân sự giám sát có năng lực, đào tạo và thẩm quyền ghi đề quyết định tự động (Điều 10.1, 10.2). Mọi quyết định hạn chế, đình chỉ hoặc chấm dứt quan hệ hợp đồng phải do con người đưa ra (Điều 10.5).
- Thủ tục:** NLD có quyền nhận giải thích, tiếp cận người có thẩm quyền để trao đổi và yêu cầu rà soát lại quyết định bất lợi (Điều 11).

Cơ sở tham chiếu quan trọng khi xây dựng tiêu chuẩn về minh bạch, kiểm soát dữ liệu, giám sát của con người và quyền phản biện

GỢI MỞ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO DOANH NGHIỆP

GỢI MỞ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Thứ nhất, Việt Nam có thể nghiên cứu ghi nhận nguyên tắc hạn chế quyết định hoàn toàn tự động trong lĩnh vực lao động.

Thứ hai, Việt Nam nên cân nhắc sự cần thiết của việc xác định nhóm hệ thống AI có rủi ro cao trong lĩnh vực lao động và quản trị nhân sự.

*Quyết định 33/2026/QĐ-TTg ban hành danh mục hệ thống AI rủi ro cao: chưa có AI trong lĩnh vực lao động

Thứ ba, Việt Nam không nên bỏ qua yêu cầu giám sát của con người trong quy trình sử dụng AI.

Thứ tư, về dài hạn, Việt Nam nên từng bước xây dựng các điều kiện tối thiểu để AI được sử dụng trong quản trị nhân sự.

Thứ năm, cần gắn việc sử dụng AI trong quản trị nhân sự với cơ chế đối thoại và tham vấn tại nơi làm việc.

KHUYẾN NGHỊ CHO DOANH NGHIỆP

1 NGUYÊN TẮC



✓ AI = công cụ hỗ trợ có điều kiện

✗ KHÔNG chuyển giao thẩm quyền quản lý

2 KHÔNG THỂ HỢP THỨC HOÀ



Mô tả công việc



KPI/ tiêu chí



Nội quy / quy chế



Biên bản giải trình

3 TRƯỚC KHI DÙNG AI



Dữ liệu hợp pháp?



Tiêu chí đã ghi nhận trước?



Kết quả giải thích được?



NLĐ đã phản biện?



Có người rà soát cuối cùng?

4 CƠ CHẾ NỘI BỘ NỀN CỐ

Chính sách nội bộ; phân quyền rõ ràng; danh mục dữ liệu được phép đưa vào hệ thống; quy trình kiểm tra kết quả AI; cơ chế lưu vết hồ sơ; cơ chế giải thích và tiếp nhận phản biện của NLĐ; và rà soát định kỳ.

**CẢM ƠN QUÝ KHÁCH MỜI, THẦY CÔ,
DIỄN GIẢ VÀ CÁC BẠN ĐÃ LẮNG NGHE
PHẦN TRÌNH BÀY!**



**TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH
TRONG QUẢN TRỊ HỆ THỐNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO
NHÌN TỪ CÁC KHUNG NGUYÊN TẮC QUỐC TẾ**

PGS, TS. Nguyễn Như Hà

Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo

TS. Nguyễn Tiến Đạt

*Tổ trưởng Tổ chuyên môn Pháp luật cơ sở và liên ngành,
Khoa Luật Kinh tế, Học viện Chính sách và Phát triển*

TS. Đặng Minh Phương

*Trưởng Trung tâm thực hành pháp luật,
Khoa Luật Kinh tế, Học viện Chính sách và Phát triển*

Tóm tắt

Sự phát triển bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) đặt ra yêu cầu cấp thiết về xây dựng khuôn khổ quản trị nhằm bảo đảm AI phát triển an toàn, tin cậy và có trách nhiệm. Bài viết phân tích ba khung chuẩn mực quốc tế có ảnh hưởng nhất hiện nay: Nguyên tắc AI của OECD, Khuyến nghị về Đạo đức AI của UNESCO và Bộ tiêu chuẩn ISO/IEC về AI. Trên cơ sở đó, bài viết rút ra các hàm ý chính sách cho Việt Nam trong bối cảnh Luật Trí tuệ nhân tạo 2025 vừa có hiệu lực, nhấn mạnh tầm quan trọng của nguyên tắc trách nhiệm giải trình (accountability) như một trụ cột xuyên suốt trong quản trị AI.

Từ khóa: *trách nhiệm giải trình, quản trị AI, OECD AI Principles, UNESCO Ethics of AI, ISO/IEC 42001, AI có trách nhiệm.*

XU HƯỚNG CỦA THẾ GIỚI VỀ XÁC ĐỊNH CHỦ THỂ HƯỞNG QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TÀI SẢN ĐƯỢC TẠO RA BỞI AI

TS. Nguyễn Thị Hoa

GV. Khoa Luật Quốc Tế, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Dẫn nhập

Thuật ngữ sở hữu trí tuệ “intellectual property” theo diễn giải của tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (World Intellectual Property Organisation – WIPO) “theo nghĩa rộng, sở hữu trí tuệ là các quyền pháp lý phát sinh từ hoạt động trí tuệ trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật”. Theo đó, WIPO cũng chỉ ra rằng, các quốc gia ban hành luật bảo vệ sở hữu trí tuệ vì hai lý do chính: Thứ nhất là để thể hiện bằng luật các quyền đạo đức và kinh tế của chủ thể sáng tạo đối với các tác phẩm của họ và quyền của công chúng trong việc tiếp cận các tác phẩm đó; thứ hai, việc ghi nhận đó như một chính sách có chủ đích của Chính phủ để thúc đẩy sự sáng tạo và việc phổ biến cũng như ứng dụng các kết quả của nó, đồng thời khuyến khích thương mại công bằng góp phần vào sự phát triển kinh tế và xã hội.

Nhìn vào sự sáng tạo thì trí tuệ nhân tạo (AI) “*đề cập đến khả năng của máy móc trong việc bắt chước chức năng nhận thức vốn được cho là thuộc về trí thông minh của con người*” dẫn đến đặt ra các vấn đề về quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm do AI tạo ra hoặc có sự can thiệp của AI. Việc nghiên cứu vấn đề này càng trở lên cần thiết khi có nghiên cứu mới đây vào năm 2025 chỉ ra rằng “*hệ sinh thái đổi mới dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI) đang mở rộng, với các dự báo cho thấy thị trường AI toàn cầu sẽ bùng nổ trong thập kỷ tới. Chúng ta đang chứng kiến nhiều hơn một sự chuyển đổi công nghệ; AI đang trở thành động lực chính thúc đẩy năng suất kinh tế và tạo ra giá trị.*”

Trước sự phát triển mạnh mẽ đó của AI thì tại Việt Nam, mới đây, Quốc Hội đã ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026. Từ đó đặt ra câu hỏi là Luật này có giải quyết được những vấn đề cụ thể liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản được tạo ra với sự can thiệp của AI hay không và pháp luật về sở hữu trí tuệ hiện hành của Việt Nam có còn phù hợp trước tình hình mới này hay không? Câu hỏi nên trên trở lên cần thiết nếu chúng ta nhìn đến Quyết định số 1068/QĐ-TTg Ngày 22/8/2019 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược SHTT đến năm 2030 trong đó tại Mục I tiêu mục 1 có nêu “phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các khâu sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.” Để hiện thực hoá mục tiêu trên thì Quyết định 1068/QĐ-TTg cũng xác định rõ những nhiệm vụ quan trọng, nổi bật như việc phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ trong đó có chú ý đến việc “phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các khâu sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội” (Mục III tiêu mục 1 điểm c). Trên cơ sở đó, bài viết này sẽ đi vào

phân tích thực tiễn pháp luật Việt Nam trong việc điều chỉnh tài sản được tạo ra có sự can thiệp của AI với góc nhìn so sánh với pháp luật nước ngoài và quốc tế để nêu ra những vấn đề giúp các nhà lập pháp cũng như những người làm thực tiễn có thêm một góc nhìn mới để định hướng hoạt động cho phù hợp. Để thực hiện được mục tiêu trên thì bài viết này sẽ đi vào phân tích tổng quan về “quyền sở hữu trí tuệ” (1) để xác định những vấn đề liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ đối với tài sản được tạo ra có sự can thiệp của AI sẽ tập chung vào các quyền nào (2).

SỰ SUY YẾU CỦA HIỆU ỨNG BRUSSELS TRƯỚC AI SINH TẠO CON ĐƯỜNG NÀO CHO CHUẨN MỰC AI ACT TOÀN CẦU?

ThS. NCS. Nguyễn Đào Phương Thúy

Giảng viên Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Phan Ngọc Minh Thư; Bùi Thị Ngọc Hà

Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

Tóm tắt

Bài viết phân tích sự suy yếu của “*Hiệu ứng Brussels*” trước AI sinh tạo trên hai phương diện: kỹ thuật (các nguyên tắc cốt lõi của GDPR như giảm thiểu dữ liệu, quyền được quên khó áp dụng cho mô hình ngôn ngữ lớn) và chính trị khiến GDPR của EU không còn là chuẩn mực toàn cầu duy nhất, qua đó đánh giá về tác động của hiệu ứng này đối với các quy định về AI. Bài viết cũng đánh giá và đưa ra đề xuất cho Việt Nam - quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo - nên tránh sao chép nguyên trạng mô hình EU, mà ưu tiên cách tiếp cận linh hoạt, luật hóa có chọn lọc theo từng lĩnh vực rủi ro.

Từ khóa: *Hiệu ứng Brussels; GDPR; AI sinh tạo; bảo vệ dữ liệu cá nhân; Luật Trí tuệ nhân tạo Việt Nam; truyền thống pháp luật xã hội chủ nghĩa.*

Quy định chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân (“**GDPR**”) của Liên minh châu Âu từ lâu được coi đã tạo ra “*Hiệu ứng Brussels*” tức khả năng trong việc đơn phương định hình các tiêu chuẩn quản lý mang tính toàn cầu, thông qua sức mạnh và quy mô của thị trường nội khối, mà không cần đến các hiệp định hay đàm phán quốc tế ràng buộc. Các quy định cốt lõi của GDPR - như quyền yêu cầu xóa dữ liệu hay nguyên tắc giới hạn việc thu thập dữ liệu ở mức cần thiết - được xây dựng trên một giả định kỹ thuật nhất định: dữ liệu cá nhân tồn tại dưới dạng các bản ghi riêng lẻ, có thể xác định, định vị và xử lý một cách tách biệt. Tuy nhiên, sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (“**AI**”), đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn được huấn luyện trên khối lượng dữ liệu khổng lồ từ internet, đang làm lung lay chính giả định đó. Trong quá trình huấn luyện các mô hình này, dữ liệu cá nhân không còn được lưu giữ dưới dạng các bản ghi riêng biệt có thể nhận diện, truy xuất hoặc xóa bỏ như trước, mà bị chuyển hóa và hòa tan vào hàng tỷ tham số của mô hình. Khi dữ liệu không còn tồn tại ở dạng tách biệt, các nghĩa vụ trung tâm của GDPR - vốn được thiết kế để áp dụng cho từng bản ghi cụ thể - trở nên rất khó thực hiện đúng nghĩa đối với AI sinh tạo. Bài viết giải quyết các vấn đề về sự khác biệt giữa cách AI sinh tạo xử lý dữ liệu và cách GDPR giả định dữ liệu tồn tại, cùng với sự khác biệt về cách tiếp cận quản trị dữ liệu giữa các truyền thống pháp luật, đang làm suy giảm sức lan tỏa của Hiệu ứng Brussels như thế nào? Các quốc gia có truyền thống pháp luật xã hội chủ nghĩa - trong đó Việt Nam là một đại diện - nên tiếp cận vấn đề này ra sao.

KINH NGHIỆM ỨNG DỤNG AI TRONG QUẢN LÝ RỦI RO LĨNH VỰC TÀI CHÍNH CỦA SINGAPORE VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Trần Minh Trí
Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới

Lưu Thị Diệu
Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Tóm tắt

Trong bối cảnh cuộc cách mạng trí tuệ nhân tạo (AI) đang lan tỏa sâu rộng vào lĩnh vực tài chính – ngân hàng, việc áp dụng AI vào công tác quản lý rủi ro đã trở thành một xu thế tất yếu, mang lại hiệu quả vượt trội trong phát hiện gian lận, chấm điểm tín dụng, giám sát tuân thủ và cảnh báo sớm rủi ro hệ thống. Tuy nhiên, các rủi ro mà AI có thể tạo ra cũng ngày càng nhiều và có nguy cơ gây ra các hậu quả nghiêm trọng. Chúng bao gồm các rủi ro mới về phân tích sai, thiên lệch dữ liệu, tính minh bạch và rủi ro độc quyền công nghệ. Bài nghiên cứu này tập trung phân tích kinh nghiệm của Singapore – một trong những trung tâm tài chính đi đầu thế giới trong xây dựng khung quản trị rủi ro AI bài bản, từ nguyên tắc FEAT, Sáng kiến Veritas, Dự án MindForge đến Dự thảo Hướng dẫn quản lý rủi ro AI năm 2025–2026 của Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS) – nhằm rút ra bài học và đề xuất hàm ý chính sách thiết thực cho Việt Nam.

Dựa trên kinh nghiệm từ Singapore, bài viết đưa ra các hàm ý cho Việt Nam như: cần khẩn trương hoàn thiện khung pháp lý quản lý rủi ro AI theo nguyên tắc rủi ro và tỷ lệ tương xứng; tăng cường vai trò điều phối, giám sát của Ngân hàng Nhà nước; thúc đẩy hợp tác công – tư trong xây dựng công cụ kiểm thử và chia sẻ kinh nghiệm quản trị AI; đầu tư phát triển nguồn nhân lực AI tài chính; và chủ động xây dựng năng lực quản trị rủi ro đối với AI tạo sinh, AI tác tử (agentic AI) đang nổi lên nhanh chóng.

Từ khóa: *Trí tuệ nhân tạo, quản lý rủi ro, tài chính, Singapore, Việt Nam.*

QUẢN TRỊ RỦI RO TẮY XANH BẰNG THUẬT TOÁN TRONG HỆ THỐNG ĐO LƯỜNG, BÁO CÁO VÀ THẨM ĐỊNH TÍN CHỈ CÁC-BON XUYÊN BIÊN GIỚI

NCS.ThS Trần Đức Lợi
Công ty TNHH Lexora Partner

Tóm tắt

Tích hợp trí tuệ nhân tạo vào hệ thống đo lường, báo cáo và thẩm định (MRV) đang trở thành yêu cầu mang tính khách quan nhằm bảo đảm năng lực xử lý dữ liệu và tính khả tín của thị trường các-bon xuyên biên giới. Mặc dù tối ưu hóa chi phí giao dịch, sự can thiệp của các thuật toán tự học làm phát sinh những hệ quả pháp lý phức tạp, điển hình là rủi ro giả xanh bằng thuật toán (algorithmic greenwashing). Hiện tượng này tạo ra khoảng trống trách nhiệm giải trình, dẫn đến sự đứt gãy trong các thiết chế bồi thường thiệt hại và nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật truyền thống của tư pháp quốc tế. Tham luận phân tích các biện pháp của Liên minh Châu Âu cũng như các nỗ lực thiết lập quy tắc ứng xử mềm nội khối ASEAN đối với hiện tượng này. Từ cơ sở thực tiễn quốc tế, bài viết đề xuất định hướng hoàn thiện khung pháp lý Việt Nam, bao gồm việc nội luật hóa tiêu chuẩn kiểm định thuật toán tiền kiểm và kiến tạo các hệ thuộc luật chuyên biệt trong giao dịch dân sự có yếu tố nước ngoài. Các kiến nghị lập pháp này hướng tới việc thiết lập cơ chế phòng vệ thương mại vững chắc, bảo đảm tính liên chính cho các cam kết khí hậu của quốc gia.

Từ khoá: *giả xanh, giả xanh bằng thuật toán, trí tuệ nhân tạo, MRV, AI*

NGHĨA VỤ CÔNG KHAI THUẬT TOÁN CỦA NHÀ CUNG CẤP NHẪM BẢO VỆ NGƯỜI DÙNG TRONG KỶ NGUYÊN AI- THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

Nguyễn Thành Phương

Khoa Luật, Trường Đại học Nam Cần Thơ

Trần Thị Thu Vân

Khoa Luật, Trường Đại học Nam Cần Thơ

Tóm tắt

Trong bối cảnh AI ngày càng chi phối việc tiếp cận thông tin, cơ hội xã hội và hành vi tiêu dùng, nhiều vụ việc quốc tế như Amazon tuyển dụng thiên lệch giới tính, thuật toán chấm điểm A-Level tại Anh, hay điều tra TikTok theo Đạo luật Dịch vụ số của EU đã cho thấy nguy cơ nghiêm trọng từ các hệ thống AI thiếu minh bạch, thiếu khả năng giải thích và có khả năng thao túng hành vi người dùng. Trên cơ sở phân tích Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023, Nghị định số 142/2026/NĐ-CP và các văn bản liên quan. Bài viết chỉ ra nhiều khoảng trống pháp lý của Việt Nam trong quản trị AI, bao gồm: chưa quy định cụ thể nghĩa vụ minh bạch thuật toán và quyền được giải thích đối với quyết định do AI tạo ra; thiếu cơ chế kiểm soát hệ thống đề xuất nội dung, hành vi thao túng và thuật toán gây nghiện trong môi trường số.... Trên cơ sở so sánh với EU AI Act, GDPR, DSA và pháp luật Trung Quốc, bài viết đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực thuật toán trong kỷ nguyên AI.

Từ khóa: *trí tuệ nhân tạo (AI); công khai thuật toán; minh bạch thuật toán*

HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VỀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO Ở VIỆT NAM THEO CÁCH TIẾP CẬN QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Quang Linh
Học viện Kỹ thuật quân sự

Tóm tắt

Sự phát triển nhanh của trí tuệ nhân tạo (AI), nhất là AI tạo sinh và mô hình có mục đích sử dụng chung, mở rộng lợi ích kinh tế - xã hội nhưng đồng thời gia tăng rủi ro đối với quyền con người, an toàn, cạnh tranh, toàn vẹn thông tin và trách nhiệm pháp lý. Bằng phương pháp phân tích quy phạm, so sánh chuẩn mực và tiếp cận hệ thống, bài viết làm rõ cơ sở quản trị AI dựa trên rủi ro; đối chiếu khuôn khổ pháp lý Việt Nam với chuẩn mực quốc tế, khu vực; nhận diện khoảng trống và thách thức thực thi. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình hoàn thiện đa tầng, thích ứng và tương thích quốc tế, tập trung vào phân loại rủi ro động, đánh giá tác động bắt buộc, trách nhiệm giải trình, kiểm toán độc lập, quyền được thông tin và rà soát bởi con người, quy tắc đối với AI có mục đích sử dụng chung, năng lực thể chế và hỗ trợ tuân thủ tương xứng.

Từ khóa: *trí tuệ nhân tạo; khung pháp lý; quản trị rủi ro; trách nhiệm giải trình; quyền con người; hội nhập quốc tế.*

QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG VIỆC ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Nguyễn Trần Quỳnh Lan

Trần Thị Thanh Nga

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo tạo sinh đang tạo ra những thay đổi lớn trong môi trường giáo dục đại học nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều rủi ro pháp lý và đạo đức đáng lo ngại. Bài viết sẽ phân tích cơ sở lý luận về quản trị rủi ro đối với Generative AI trong giáo dục đại học, nhận diện các nhóm rủi ro chính bao gồm gian lận học thuật, xâm phạm quyền riêng tư, vi phạm quyền tác giả và sở hữu trí tuệ, cùng với bất bình đẳng trong quá trình tiếp cận giáo dục. Trên cơ sở tham chiếu kinh nghiệm quốc tế và đối chiếu với khung pháp lý Việt Nam hiện hành, đặc biệt là Luật Trí tuệ nhân tạo 2025, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị theo lộ trình ngắn hạn, trung hạn và dài hạn nhằm hoàn thiện cơ chế quản trị rủi ro phù hợp với thực tiễn giáo dục đại học Việt Nam.

Từ khoá: *trí tuệ nhân tạo tạo sinh, quản trị rủi ro, giáo dục đại học, sở hữu trí tuệ.*

QUẢN TRỊ RỦI RO ĐỐI VỚI THIẾT BỊ Y TẾ TÍCH HỢP TRÍ TUỆ NHÂN TẠO THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM: TỪ PHÂN LOẠI RỦI RO ĐẾN GIÁM SÁT SAU LƯU HÀNH

Nguyễn Đắc Triết
Khoa Luật, Trường Đại học Sài Gòn

Tóm tắt

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) đang thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ rộng rãi trong lĩnh vực thiết bị y tế, góp phần nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị và chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên, đặc tính học hỏi, cập nhật thuật toán và khả năng tự thích ứng của AI cũng làm phát sinh nhiều rủi ro mới mà cơ chế quản lý thiết bị y tế truyền thống chưa thể kiểm soát đầy đủ. Trong bối cảnh Việt Nam từng bước hoàn thiện khung pháp lý về AI và thiết bị y tế, việc xây dựng mô hình quản trị rủi ro phù hợp đối với thiết bị y tế tích hợp AI trở thành yêu cầu cấp thiết. Trên cơ sở phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về quản trị rủi ro trước và sau lưu hành, đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế, bài viết chỉ ra những khoảng trống pháp lý, đồng thời đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế quản trị rủi ro theo toàn bộ vòng đời của thiết bị y tế tích hợp AI nhằm bảo đảm an toàn cho người bệnh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Từ khóa: *Trí tuệ nhân tạo; thiết bị y tế; quản trị rủi ro; đăng ký lưu hành; giám sát sau lưu hành.*

NGHĨA VỤ MINH BẠCH CỦA HỆ THỐNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ HỆ QUẢ CHUYỂN TRÁCH NHIỆM KIỂM CHỨNG SÁNG NGƯỜI DÙNG

Hồ Nguyễn Tuyết Mai

Khoa Pháp luật Dân sự, Trường Đại học Luật Hà Nội

Hà Thu Hiền

Khoa Pháp luật Kinh tế, Trường Đại học Luật Hà Nội

Abstract

In the context of the increasingly widespread application of artificial intelligence in legal learning, research and practice, the transparency obligation of artificial intelligence systems has become an important requirement in technological risk governance. Transparency enables users to identify the nature, limitations, conditions of use and degree of reliability of Artificial Intelligence (AI) systems. However, a transparency obligation does not mean that an AI system must absolutely guarantee the accuracy of every output it generates. This is particularly significant in the legal field, where AI-generated information may involve risks such as citing incorrect legal grounds, confusing the validity of legal documents, lacking verifiable sources, or producing arguments that are inconsistent with the applicable legal context. By employing analytical, synthetic and legal commentary methods, this article clarifies the relationship between the transparency obligation of AI systems and the consequence of shifting the responsibility for verification to users. The article argues that, where AI merely functions as a tool for information processing and is not an official source of law, users remain responsible for verifying the accuracy, currency, validity and applicability of information before relying on it. On that basis, the article suggests the need to develop legal information verification competence as a necessary condition for using AI safely, responsibly and in line with the orientation of AI risk governance in Vietnam.

Keywords: *artificial intelligence; transparency obligation; verification responsibility; legal information; AI risk governance.*

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ QUYỀN ĐƯỢC LÃNG QUÊN: KINH NGHIỆM LẬP PHÁP QUỐC TẾ VÀ GỢI MỞ PHÁP LÝ CHO VIỆT NAM

Phạm Thúy Kiều

Khoa Quản trị, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Phạm Nguyên Trang

Khoa Luật, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Trúc Vy

Khoa Quản trị, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) là một thực thể phi vật lý đem lại rất nhiều lợi ích cho con người. Với bản chất luôn luôn thay đổi theo thời gian, AI sẽ ngày càng bùng nổ hơn nhờ vào sự phát triển của các mô hình AI mới. Một trong những điểm xung đột pháp lý và kỹ thuật phức tạp nhất hiện nay nằm ở việc thực thi “Quyền được lãng quên” (Right to Be Forgotten - RTBF). Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh luật học, bài viết làm rõ RTBF và tác động của AI đối với việc thực thi RTBF tại Việt Nam. Nghiên cứu này phân tích các quy định về RTBF theo pháp luật tại Liên minh Châu Âu (EU), Nhật Bản và Trung Quốc, từ đó soi chiếu vào bối cảnh pháp lý của Việt Nam. Trên cơ sở nhận diện những khoảng trống của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 và các quy định liên quan, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm gợi mở định hướng hoàn thiện pháp luật về RTBF tại Việt Nam.

Từ khóa: *Trí tuệ nhân tạo, quyền được lãng quên, dữ liệu cá nhân, bảo vệ quyền riêng tư, pháp luật Việt Nam.*

QUẢN TRỊ PHÁP LÝ CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT: BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN VÀ TUÂN THỦ PHÁP LÝ — PHÂN TÍCH SO SÁNH GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Lê Như Ý

Đại học Paris-Panthéon-Assas và Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM

Đặt vấn đề

Trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI, sau đây gọi tắt là “**AI tạo sinh**”) đang làm thay đổi sâu sắc thực tiễn hành nghề pháp lý trên toàn cầu. Các hệ thống có khả năng soạn thảo hợp đồng, tổng hợp án lệ, tạo ra bản luận cứ bào chữa, hoặc hỗ trợ thẩm phán trong việc soạn thảo phán quyết đang ngày càng được triển khai rộng rãi tại các văn phòng luật sư, bộ phận pháp chế doanh nghiệp và các cơ quan tư pháp ở nhiều quốc gia. Sự chuyển biến này đặt ra những câu hỏi pháp lý căn bản mà các khung pháp lý hiện hành chưa thể giải quyết thỏa đáng.

Vụ kiện *Mata kiện Avianca, Inc.* (S.D.N.Y. 2023) đã minh họa sinh động những rủi ro cụ thể của việc sử dụng AI tạo sinh trong thực tiễn pháp lý: các luật sư đã nộp lên tòa án liên bang Hoa Kỳ một bản tóm tắt pháp lý chứa các trích dẫn án lệ do hệ thống AI tạo ra mà thực tế không tồn tại, mà không có bất kỳ sự kiểm tra độc lập nào. Tòa án đã áp dụng biện pháp chế tài kỷ luật, tạo ra tiền lệ cảnh báo cộng đồng pháp lý toàn cầu về sự cần thiết phải có khung pháp lý điều chỉnh việc sử dụng AI tạo sinh trong hành nghề luật.

Việt Nam và Trung Quốc là hai địa chỉ nghiên cứu đặc biệt phù hợp để phân tích các phản ứng pháp lý trước những thách thức này. Hai quốc gia có những đặc điểm chung đáng chú ý: hệ thống pháp luật chịu ảnh hưởng của truyền thống dân luật, nền kinh tế số tăng trưởng nhanh, và tham vọng phát triển AI được khẳng định rõ ràng. Tuy nhiên, mỗi quốc gia đã lựa chọn những cách tiếp cận pháp lý khác nhau, phản ánh các quỹ đạo thể chế đặc thù của mình.

Bài viết này được tổ chức quanh bốn câu hỏi nghiên cứu: (1) Các khung định nghĩa của Việt Nam và Trung Quốc bao phủ đến đâu các đặc điểm riêng của AI tạo sinh, và bảo vệ ra sao quyền lợi của những người có dữ liệu bị xử lý bởi các hệ thống này? (2) Hai khung pháp lý phân loại rủi ro gắn liền với AI tạo sinh pháp lý như thế nào? (3) Những nghĩa vụ nào được áp đặt lên các nhà vận hành hệ thống AI tạo sinh trong lĩnh vực pháp lý? (4) Mỗi khung pháp lý có thể đem lại bài học gì cho khung còn lại?

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO CHO VIỆT NAM: LỰA CHỌN CÔNG CỤ THỂ CHẾ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG BỐI CẢNH CẠNH TRANH CÔNG NGHỆ TOÀN CẦU

Đặng Ngọc Long

Trường Đại học Luật Hà Nội

Tóm tắt

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là các mô hình nền tảng và AI tạo sinh, đang đặt ra những thách thức mới đối với phương thức quản trị truyền thống. Trong khi Liên minh châu Âu tiên phong xây dựng đạo luật AI toàn diện thông qua AI Act, quá trình triển khai cũng cho thấy những hạn chế của mô hình quản trị chủ yếu dựa trên pháp luật trước tốc độ phát triển của công nghệ. Song song với đó, nhiều quốc gia như Hàn Quốc và Trung Quốc đang có xu hướng kết hợp pháp luật với tiêu chuẩn kỹ thuật, quản trị theo ngành và các công cụ quản trị thích ứng nhằm cân bằng giữa quản lý rủi ro và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Trong bối cảnh Việt Nam vừa ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo, bài viết đặt ra hai câu hỏi nghiên cứu: (i) Việt Nam nên lựa chọn công cụ thể chế nào để quản trị AI trong bối cảnh công nghệ liên tục thay đổi; và (ii) mô hình quản trị AI cần hướng tới mục tiêu phát triển nào nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Bằng phương pháp pháp luật học so sánh kết hợp với phân tích thể chế và chính sách công, bài viết lập luận rằng hiệu quả của quản trị AI không phụ thuộc đơn thuần vào việc ban hành một đạo luật chuyên ngành, mà phụ thuộc vào sự phối hợp giữa pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quản trị theo ngành và chính sách phát triển công nghệ. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất Việt Nam xây dựng mô hình quản trị AI định hướng phát triển, trong đó pháp luật đóng vai trò thiết lập nguyên tắc nền tảng, còn tiêu chuẩn kỹ thuật, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, phát triển AI ứng dụng và đa dạng hóa hợp tác quốc tế trở thành những công cụ quan trọng nhằm nâng cao năng lực công nghệ quốc gia.

Từ khóa: *trí tuệ nhân tạo, Luật Trí tuệ nhân tạo, quản trị AI, công cụ thể chế.*

CHỦ ĐỀ II:
TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ, LAO ĐỘNG VÀ TRIỂN VỌNG
PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO
TRONG HOẠT ĐỘNG HÀNH CHÍNH – QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI THIẾT HẠI DO TRÍ TUỆ NHÂN TẠO GÂY RA: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

NCS. ThS. Vũ Thị Thủy

Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ

NCS. ThS. Bùi Thị Dung

Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội

Tóm tắt

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang được ứng dụng rộng trong y tế, giao thông, tài chính, thương mại điện tử, tuyển dụng và quản lý nhà nước. Cùng với lợi ích về năng suất, xử lý dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định, AI cũng có thể gây thiệt hại đối với tính mạng, sức khỏe, tài sản, dữ liệu cá nhân, quyền nhân thân và các lợi ích hợp pháp khác. Khi thiệt hại phát sinh, pháp luật dân sự truyền thống gặp khó khăn trong việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm, yếu tố lỗi và quan hệ nhân quả, nhất là khi quyết định bất lợi được tạo ra bởi hệ thống tự động, phụ thuộc dữ liệu và khó giải thích.

Những khó khăn này còn xuất phát từ đặc điểm đa chủ thể của vòng đời AI. Một hệ thống AI có thể do một doanh nghiệp phát triển, một chủ thể khác cung cấp dữ liệu, một đơn vị khác tích hợp vào sản phẩm hoặc dịch vụ, trong khi tổ chức triển khai và người sử dụng cuối cùng lại trực tiếp quyết định bối cảnh vận hành. Vì vậy, nếu chỉ quy trách nhiệm cho một chủ thể duy nhất thì có thể không phản ánh đúng khả năng kiểm soát, phòng ngừa rủi ro và lợi ích mà từng bên thu được.

Bài viết phân tích kinh nghiệm của Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ và Vương quốc Anh về trách nhiệm đối với thiệt hại do AI gây ra, qua đó làm rõ các mô hình phân bổ trách nhiệm, cơ chế tiếp cận chứng cứ và xu hướng bảo vệ người bị thiệt hại. Trên cơ sở đó, bài viết đánh giá khả năng áp dụng pháp luật hiện hành ở Việt Nam và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế bồi thường, bảo đảm cân bằng giữa bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Từ khoá: *Trách nhiệm pháp lý, thiệt hại, trí tuệ nhân tạo (AI).*

TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ ĐỐI VỚI THIỆT HẠI DO TRÍ TUỆ NHÂN TẠO GÂY RA

Kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị cho Việt Nam

NCS. Vũ Thị Thủy | Bộ Khoa học và Công nghệ
NCS. Bùi Thị Dung | Trường Cao đẳng Ngoại ngữ và Công nghệ Hà Nội

1. Khái quát vấn đề pháp lý về thiệt hại do AI

Bối cảnh thực tiễn

- AI bùng nổ mạnh mẽ trong y tế, giao thông, tài chính, quản lý nhà nước...
- Đồng thời làm gia tăng các rủi ro xâm phạm nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tài sản và quyền dữ liệu cá nhân.

Khái niệm cốt lõi

- **Thiệt hại do AI:** Là mọi tổn thất vật chất/phi vật chất phát sinh trong toàn bộ chu kỳ sống (vòng đời) từ thiết kế tới vận hành AI.
- **Bản chất pháp lý:** AI không phải pháp nhân độc lập để tự chịu lỗi. Trách nhiệm cuối cùng thuộc về con người tạo ra hoặc kiểm soát nó.

Đặc điểm đặc thù của thiệt hại do AI gây ra

■ Gián tiếp & Công nghệ hóa

Nguyên nhân không đơn thuần nằm ở hành vi trực tiếp mà đan xen cực kỳ phức tạp giữa thuật toán, dữ liệu nguồn và tương tác người - máy.

■ Hiệu ứng Hộp đen (Black-box)

Tính tự chủ cao và khả năng tự thích ứng sâu của học máy khiến cơ chế ra quyết định trở nên mơ hồ, cực kỳ thách thức khi truy xuất lỗi.

■ Phụ thuộc chặt vào dữ liệu

Dữ liệu đầu vào bị thiếu sót, sai lệch hoặc chứa sẵn định kiến xã hội sẽ ngay lập tức khuếch đại thành những quyết định bất lợi diện rộng.

■ Đa chủ thể & Lan truyền nhanh

Bao gồm chuỗi cung ứng kéo dài (phát triển, tích hợp, phân phối, vận hành). Một lỗi hệ thống có thể lập tức lan truyền quy mô xuyên quốc gia.

Những thách thức lớn đối với Pháp luật Dân sự

- **Khó xác định chủ thể chịu lỗi chính:** Sự phân rã quyền lực kiểm soát và bối cảnh vận hành AI qua quá nhiều bên trung gian làm lu mờ trách nhiệm của từng đơn vị.
- **Nghĩa vụ thận trọng truyền thống bị vô hiệu:** Tiêu chuẩn đánh giá hành vi có lỗi rất mờ hồ khi con người hoàn toàn ủy quyền quyết định cho hệ thống tự động.
- **Bất cân xứng thông tin tuyệt đối:** Nạn nhân bị cô lập hoàn toàn trước dữ liệu kỹ thuật, hồ sơ kiểm thử bảo mật vốn chỉ do các tập đoàn công nghệ nắm giữ.
- **Xung đột mô hình trách nhiệm:** Pháp luật truyền thống lúng túng giữa việc áp dụng Trách nhiệm dựa trên lỗi cá nhân hay Trách nhiệm sản phẩm/nguồn nguy hiểm cao độ.

2.1. Tiếp cận dựa trên Quản lý Rủi ro của EU

Đạo luật AI toàn diện (AI Act)

- Thiết lập khung phân cấp rủi ro chặt chẽ từ gốc (Cấm hoàn toàn, Rủi ro cao, Rủi ro hạn chế, Rủi ro thấp).
- Buộc nhóm AI rủi ro cao phải xây dựng cơ chế lưu vết nhật ký, tài liệu kỹ thuật minh bạch và duy trì sự giám sát tối cao của con người.

Chỉ thị Trách nhiệm sản phẩm mới

- Chính thức mở rộng khái niệm sản phẩm để bao gồm toàn bộ phần mềm độc lập và bản cập nhật hệ thống AI.
- **Cơ chế tiên bộ:** Cho phép Tòa án buộc doanh nghiệp cung cấp chứng cứ bảo mật và áp dụng cơ chế suy đoán khuyết tật bảo vệ người bị hại.

2.2 & 2.3. Mô hình Linh hoạt của Mỹ và Anh

Cách tiếp cận Hoa Kỳ

- Tránh luật hóa cứng nhắc ở cấp liên bang; linh động áp dụng án lệ sơ suất dân sự và luật bảo vệ người tiêu dùng hiện hành (FTC xử lý lừa dối AI).
- Sử dụng khung tiêu chuẩn quản trị rủi ro phi bắt buộc của NIST (AI RMF) như một công cụ tham chiếu tin cậy trước Tòa.

Cách tiếp cận Vương quốc Anh

- Không lập siêu cơ quan quản lý; trao toàn quyền cho cơ quan chuyên ngành (tài chính, y tế) tự điều tiết dựa trên bối cảnh cụ thể của ngành.
- **Đột phá xe tự lái:** Đạo luật Phương tiện tự động thiết lập bảo hiểm bồi thường ngay lập tức cho nạn nhân, chuyển rủi ro kỹ thuật sang quyền truy đòi sau.

2.4. So sánh các mô hình pháp luật

Tiêu chí so sánh	Liên minh Châu Âu (EU)	Hoa Kỳ (Mỹ)	Vương quốc Anh (UK)
Bản chất chủ thể & Phân bổ trách nhiệm	Các hệ thống pháp luật đều chưa thừa nhận AI là chủ thể chịu trách nhiệm độc lập. Trách nhiệm vẫn được phân bổ cho con người, pháp nhân hoặc tổ chức liên quan đến quá trình thiết kế, cung cấp, triển khai, vận hành và sử dụng hệ thống.		
Cơ sở phát sinh & Vai trò của lỗi	Kết hợp giữa quản lý rủi ro và trách nhiệm sản phẩm; giám vai trò của lỗi trong lĩnh vực trách nhiệm sản phẩm bằng cách tập trung vào khuyết tật và quan hệ nhân quả.	Chủ yếu dựa vào sơ suất, trách nhiệm sản phẩm, bảo vệ người tiêu dùng và án lệ; vẫn đặt trọng tâm lớn vào trách nhiệm dựa trên lỗi.	Vận dụng sơ suất, trách nhiệm sản phẩm, hợp đồng và cơ chế theo lĩnh vực; vẫn đặt trọng tâm lớn vào trách nhiệm dựa trên lỗi.
Trách nhiệm nghiêm ngặt & Chứng cứ	Thể hiện xu hướng áp dụng cơ chế chặt chẽ hơn thông qua quản lý rủi ro cao và trách nhiệm sản phẩm. Có cơ chế tiến bộ hơn khi cho phép yêu cầu cung cấp chứng cứ	Thận trọng hơn về trách nhiệm nghiêm ngặt và để tòa án, luật bang phát triển từng bước. Có cơ chế thu thập chứng cứ trong tố tụng	Có kinh nghiệm rõ hơn về bảo hiểm đối với xe tự động (bồi thường trước, truy đòi sau). Có cơ chế thu thập chứng cứ trong tố tụng

3. Thực trạng pháp luật Việt Nam hiện nay

- **Căn cứ pháp lý nền tảng:** Vận dụng gián tiếp Bộ luật Dân sự 2015 (bồi thường ngoài hợp đồng), Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2023 và Luật Giao dịch điện tử.
- **Dấu mốc định hướng:** Khung quản lý dựa trên rủi ro bước đầu được định hình thông qua Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025.
- **3 Khoảng trống pháp lý:**
 - Thiếu hoàn toàn tiêu chí định lượng pháp lý để xác định một mô hình AI có "khuyết tật" hay không an toàn.
 - Chưa có cơ chế phân bổ nghĩa vụ ràng buộc rõ ràng giữa nhà sản xuất thuật toán và đơn vị trực tiếp triển khai bối cảnh.
 - Quy trình tố tụng chứng minh lỗi truyền thống hoàn toàn bất khả thi đối với người dân bình thường trước công nghệ AI.

4. Giải pháp hoàn thiện khung pháp lý Việt Nam

- **Xây dựng Tiêu chuẩn Phân bổ:** Quy rõ nghĩa vụ của 4 nhóm chủ thể (Phát triển - Cung cấp - Triển khai - Người dùng cuối) căn cứ theo mức độ hưởng lợi và kiểm soát rủi ro thực tế.
- **Đảo ngược gánh nặng chứng minh:** Trao quyền cho Tòa án yêu cầu cung cấp hồ sơ log dữ liệu hệ thống; áp dụng suy đoán bất lợi về lỗi kỹ thuật nếu doanh nghiệp che giấu tài liệu.
- **Bắt buộc hóa Bảo hiểm Trách nhiệm:** Triển khai thí điểm bảo hiểm bắt buộc đối với phương tiện tự lái, thiết bị y tế thông minh và hạ tầng số cốt lõi để bảo đảm bồi thường an sinh nhanh chóng.
- **Cơ chế thí điểm Sandbox:** Thực hiện cơ chế thí điểm pháp lý theo từng lộ trình lĩnh vực ưu tiên cao (y tế, tài chính, dịch vụ công) trước khi áp dụng đại trà.

Xin cảm ơn quý vị đã lắng nghe!

Hội thảo Trí tuệ nhân tạo - Khung pháp lý Việt Nam năm 2026

**CÔNG CHỨNG ĐIỆN TỬ NHƯ MỘT HẠ TẦNG PHÁP LÝ SỐ,
ĐÁP ỨNG CÔNG NGHỆ THÔNG MINH,
TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ DỮ LIỆU PHÁP LÝ CHO NỀN KINH TẾ SỐ**

NCS. ThS. Nguyễn Văn Hòa

Trưởng Phòng Công chứng số 3 TP.HCM

Chủ tịch Hội công chứng viên Thành phố Hồ Chí Minh

Từ góc độ nghiên cứu khoa học và thực tiễn quản trị nghề công chứng, tôi cho rằng công chứng điện tử không nên chỉ được nhìn nhận như một phương thức mới để lập văn bản công chứng. Sâu xa hơn, công chứng điện tử là một bộ phận của hạ tầng pháp lý số, có chức năng tạo lập niềm tin, xác thực ý chí và bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch trong môi trường số.

Luật Công chứng năm 2024 đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng khi ghi nhận công chứng điện tử, văn bản công chứng điện tử và giá trị pháp lý của văn bản này. Văn bản công chứng điện tử có hiệu lực từ thời điểm được ký bằng chữ ký số của công chứng viên và chữ ký số của tổ chức hành nghề công chứng; đồng thời có giá trị pháp lý như văn bản công chứng theo quy định của Luật Công chứng. Đây là sự thay đổi có tính bản lề: công chứng không còn bị giới hạn bởi không gian vật lý của giấy tờ, con dấu và việc gặp mặt truyền thống, mà có thể dịch chuyển sang môi trường dữ liệu.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy thách thức lớn nhất hiện nay không còn là câu hỏi “pháp luật có cho phép hay không”, mà là câu hỏi “hệ thống thực thi đã sẵn sàng chấp nhận giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử hay chưa”. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 đã khẳng định thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì tồn tại dưới dạng điện tử; chữ ký số có giá trị pháp lý tương đương chữ ký trên văn bản giấy khi đáp ứng điều kiện luật định. Nhưng trong thực tế, nhiều cơ quan tiếp nhận hồ sơ vẫn có tâm lý yêu cầu bản giấy hoặc yêu cầu xác minh trung gian, làm suy giảm ý nghĩa của chuyển đổi số.

Từ các công văn đã triển khai của Hiệp hội Công chứng viên Việt Nam và Hội Công chứng viên Thành phố Hồ Chí Minh, có thể rút ra một nhận định quan trọng: công chứng điện tử chỉ phát huy giá trị khi được đặt trong một chuỗi liên thông gồm công chứng, chứng thực bản sao điện tử, đăng ký đất đai, đăng ký giao dịch bảo đảm, thuế, ngân hàng và dịch vụ công trực tuyến. Nếu chỉ điện tử hóa khâu công chứng nhưng các khâu sau vẫn yêu cầu hồ sơ giấy, thì quy trình số bị đứt gãy và người dân không được hưởng đầy đủ lợi ích của cải cách. [...]

CÔNG CHỨNG ĐIỆN TỬ NHƯ MỘT HẠ TẦNG PHÁP LÝ SỐ

Đáp ứng công nghệ thông minh, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu pháp lý cho nền kinh tế số

NCS. Nguyễn Văn Hòa

Trưởng Phòng Công chứng số 3 TP. Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hội Công chứng viên Thành phố Hồ Chí Minh

Thay Đổi Nhận Thức Bản Lễ

*Công chứng điện tử không nên chỉ được nhìn nhận như một phương thức mới để lập văn
bản công chứng.*

Bản Chất Của Công Chứng Điện Tử

Kiến Tạo Niềm Tin Số

Sâu xa hơn việc số hóa giấy tờ, công chứng điện tử đóng vai trò là một bộ phận cốt lõi của hạ tầng pháp lý số, với ba sứ mệnh trọng tâm:

- **Xác thực ý chí:** Bảo đảm tính chân thực, tự nguyện của các chủ thể tham gia giao dịch trên không gian mạng.
- **Bảo đảm an toàn pháp lý:** Ngăn ngừa từ xa rủi ro tranh chấp trong môi trường số hóa nhiều biến động.
- **Kiến tạo niềm tin:** Tạo lập điểm tựa pháp lý vững chắc cho các giao dịch trong nền kinh tế số.



3

Bộ Đỡ Pháp Lý Từ Luật Mới

Luật Công Chứng 2024

Chính thức ghi nhận pháp lý về **công chứng điện tử** và giá trị của văn bản công chứng điện tử.

Có hiệu lực từ thời điểm được ký bằng **chữ ký số** của Công chứng viên và tổ chức hành nghề.

Bước dịch chuyển lịch sử từ không gian vật lý truyền thống sang không gian dữ liệu số.

Luật Giao Dịch Điện Tử 2023

Khẳng định nguyên tắc: Thông điệp dữ liệu **không bị phủ nhận giá trị pháp lý** chỉ vì sự tồn tại điện tử của nó.

Quy định chữ ký số có giá trị tương đương chữ ký tay và con dấu vật lý khi đáp ứng đủ điều kiện.

Bảo đảm giá trị chứng cứ vững chắc cho toàn bộ quy trình giao dịch trực tuyến.

4

Thách Thức Trong Thực Thi

100
%
HỆ THỐNG THỰC THI SẴN SÀNG

Câu Hỏi Lớn Về Tính Đồng Bộ

Thực tiễn chứng minh rào cản lớn nhất hiện nay không còn nằm ở khía cạnh "**pháp luật có cho phép hay không**".

Thách thức thực sự là: **Hệ thống thực thi đã sẵn sàng tiếp nhận, xử lý và thừa nhận dữ liệu điện tử hay chưa?**

Tâm lý yêu cầu hồ sơ giấy hoặc xác minh trung gian ở các cơ quan tiếp nhận vẫn còn phổ biến, làm giảm hiệu năng của tiến trình chuyển đổi số.

5

Yêu Cầu Liên Thông Quy Trình



Công Chứng Số

Điện tử hóa việc ký văn bản và chứng thực bản sao điện tử làm điểm khởi đầu của chuỗi giao dịch.



Liên Thông Dữ Liệu

Kết nối thông suốt với Đăng ký đất đai, Giao dịch bảo đảm, Cơ quan Thuế, Ngân hàng và Dịch vụ công.



Tránh Đứt Gãy Quy Trình

Nếu công chứng số hóa nhưng các khâu sau vẫn đòi hỏi hồ sơ giấy, quy trình số bị đứt gãy và mất đi ý nghĩa cải cách.

6

Cách Tiếp Cận Khoa Học Pháp Lý

Xây dựng hệ thống công chứng điện tử dựa trên các nghiên cứu khoa học và thực tiễn quản trị chặt chẽ.

7

Ba Nguyên Tắc Tiếp Cận Cốt Lõi



Tương Đương Chức Năng

Văn bản điện tử khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn định danh, chữ ký số, tính toàn vẹn và truy cập được thì phải được coi tương đương văn bản giấy truyền thống.



Liên Thông Dữ Liệu

Giá trị không chỉ nằm ở tệp PDF đã ký số, mà nằm ở khả năng tệp dữ liệu đó được tiếp nhận, kiểm tra, tự động đối chiếu thông suốt trong một quy trình thống nhất.



Kiểm Soát Rủi Ro

Số hóa không có nghĩa là giảm độ an toàn. Ngược lại, đòi hỏi thiết kế chuẩn bảo mật cao hơn về định danh sinh trắc học, lưu vết giao dịch và trách nhiệm nghề nghiệp.

8

Thực Tiễn Khả Thi

Minh Chứng Thực Tế

Mô hình vận hành tại **TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng** đã chứng tỏ khả năng triển khai thực tế của công chứng điện tử.

Các giao dịch thành công đầu tiên trong thủ tục đất đai, thể chấp trực tuyến cho thấy công chứng điện tử không còn là định hướng xa vời, mà là thực tế sẵn sàng nhân rộng.



9

Kiến Nghị Định Hướng Chính Sách (I)



1. Hướng dẫn tạm thời về giá trị pháp lý

Bộ Tư pháp cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn thống nhất giá trị pháp lý văn bản công chứng điện tử trong giai đoạn chuyển tiếp, trước khi cơ sở dữ liệu quốc gia hoàn thiện.



2. Ban hành quy trình liên thông mẫu

Thiết lập quy trình chuẩn hóa liên kết giữa Tổ chức hành nghề công chứng - Cơ quan đăng ký đất đai - Cơ quan Thuế - Tổ chức tín dụng - Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến.

10

Kiến Nghị Định Hướng Chính Sách (II)



3. Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu

Quy định bộ tiêu chuẩn công nghệ chung cho nền tảng công chứng điện tử, tránh tình trạng cục bộ, phân mảnh dữ liệu giữa các địa phương hoặc tổ chức.



4. Khẳng định vai trò của Công chứng viên

Cần coi Công chứng viên không đơn thuần là người đóng dấu giao dịch, mà là chủ thể nòng cốt tham gia bảo vệ trật tự pháp lý và tạo lập niềm tin an toàn cho nền kinh tế số.

11

Kiến Tạo Tương Lai Pháp Lý Số

"Thành công của công chứng điện tử không đo bằng số lượng văn bản ký số, mà bằng việc người dân hoàn thành trọn vẹn giao dịch trên môi trường điện tử không cần hồ sơ giấy."

NCS. Nguyễn Văn Hòa

Hội Công chứng viên Thành phố Hồ Chí Minh | Phòng Công chứng số 3 TP.HCM

✉ Hoa.nv@congchungso3.gov.vn

12

XỬ LÝ DỮ LIỆU SINH TRẮC HỌC BẰNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HỆ THỐNG GIÁM SÁT CÔNG CỘNG: GÓC NHÌN SỞ SÁNH TỬ PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

TS. Nguyễn Thị Kim Anh

GV Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. HCM

ThS. Phan Phương Ngân

GV Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. HCM

Tóm tắt

Mọi học thuyết về quyền lực quốc gia đều thừa nhận chủ quyền của Nhà nước đối với công dân đang sinh sống trong phạm vi lãnh thổ của mình, bao gồm cả việc ghi nhận và giám sát hành vi trong khuôn khổ của pháp luật. Cùng với sự ra đời và bùng nổ của cách mạng kỹ thuật số, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hệ thống giám sát công cộng đã trở thành xu hướng không thể chối bỏ, bất chấp các quy định về đạo đức AI còn nhiều lỗ hổng và các lo ngại và tranh cãi gay gắt về an ninh dữ liệu và quyền riêng tư cá nhân. Trong đó, việc xử lý dữ liệu sinh trắc học - vốn được xem là dữ liệu riêng tư đặc biệt nhạy cảm cần được nghiên cứu toàn diện.

Trong phạm vi nghiên cứu này, nhóm tác giả tập trung làm rõ bản chất: (i) tính chất đặc thù của hệ thống giám sát công cộng có tích hợp trí tuệ nhân tạo và các vấn đề pháp lý cần được cân nhắc toàn diện; (ii) đối chiếu quy định pháp luật hiện có của Trung Quốc và Việt Nam về ứng dụng AI nhằm xử lý dữ liệu sinh trắc học được thu thập trong hệ thống giám sát công cộng.

Từ khoá: *giám sát công cộng, trí tuệ nhân tạo, quyền riêng tư, dữ liệu sinh trắc học, an ninh quốc gia.*

XỬ LÝ DỮ LIỆU SINH TRẮC HỌC BẰNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HỆ THỐNG GIÁM SÁT CÔNG CỘNG:

Góc nhìn so sánh pháp luật Việt Nam và Trung Quốc

TS. Nguyễn Thị Kim Anh
ThS. Phan Phương Ngân
Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. HCM

Ho Chi Minh City University of Law



TÓM TẮT THAM LUẬN

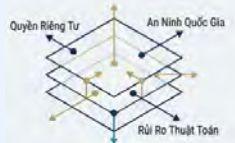
Sự chuyển dịch Công nghệ

TTNT biến hệ thống giám sát công cộng từ công cụ quan sát thành cỗ máy phân tích dữ liệu sinh trắc học theo thời gian thực
“quan sát” → “giám sát”



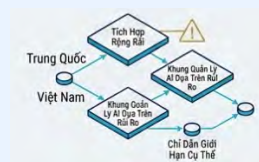
Thách thức Pháp lý

Sự giao thoa phức tạp giữa quyền BVDLCN, an ninh quốc gia và rủi ro phát sinh từ thuật toán đòi hỏi một cấu trúc pháp lý đa lớp.

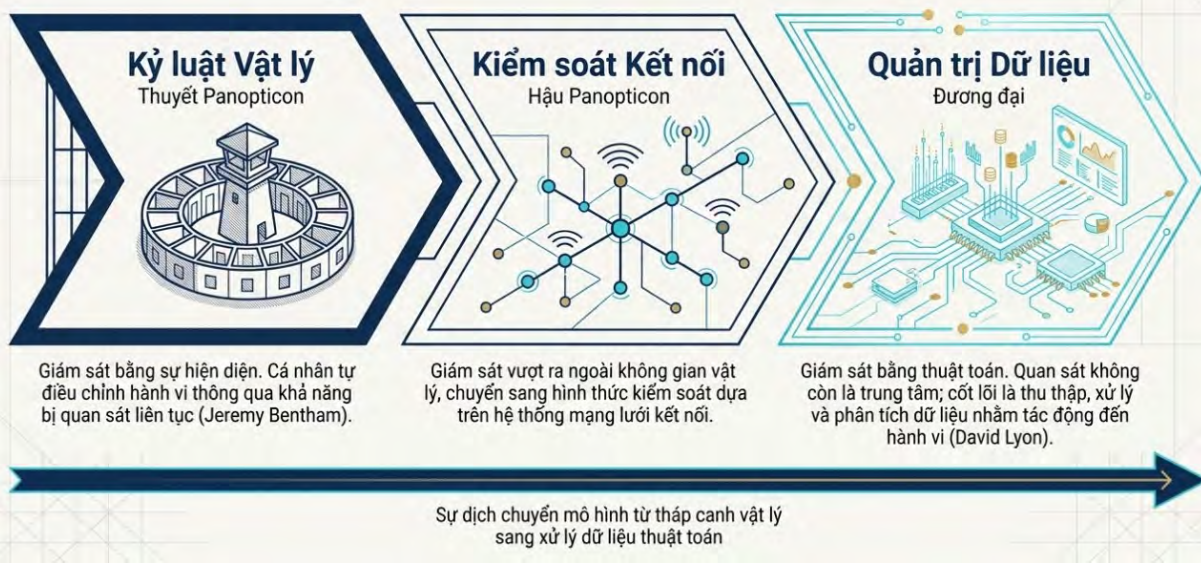


Kết quả nghiên cứu

Đối chiếu với cách tiếp cận của Trung Quốc để có những gợi mở cho Việt Nam.



GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG GIÁM SÁT

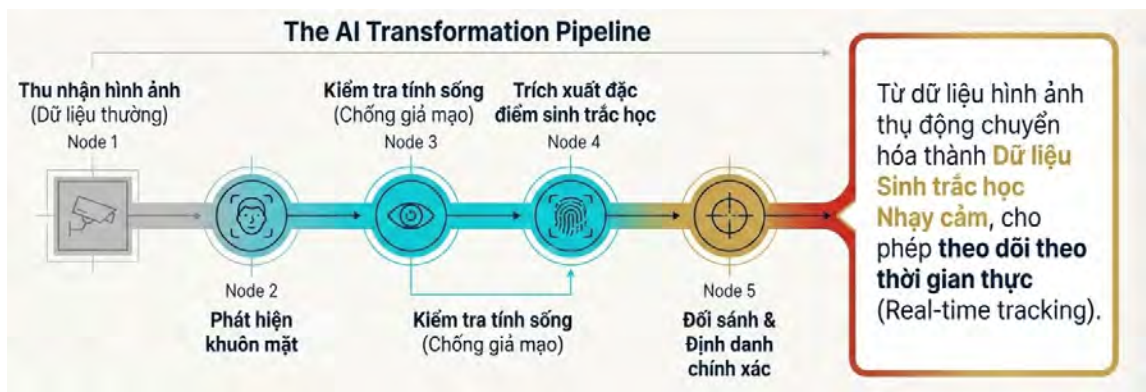


“Cấu phần then chốt trong kiến trúc giám sát đa lớp, chuyển trạng thái từ phòng ngự thu động sang chủ động kiểm soát và cảnh báo sớm”

“Hệ thống tự động sàng lọc, phân loại mọi diễn biến trong tầm quét, từ hành vi lấn chiếm vỉa hè, dừng đỗ sai quy định, vi phạm giao thông, đến việc nhận diện khuôn mặt và phát hiện hành vi bất thường. Khi đó, dữ liệu lập tức được truyền thẳng về trung tâm chỉ huy mà không cần con người can thiệp.”

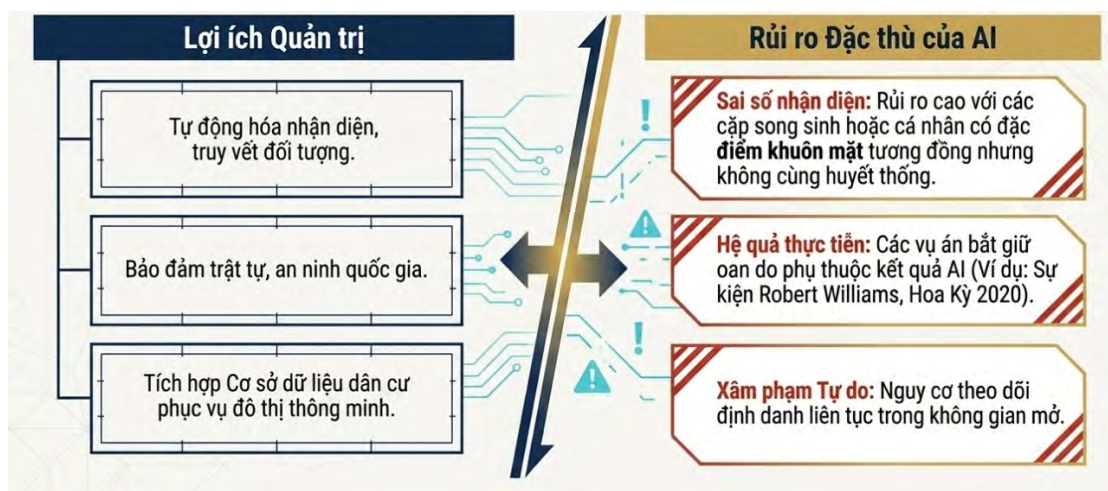
Sự thay đổi hoạt động xử lý Dữ liệu của hệ thống giám sát khi có sự tham gia của TTNT

TTNT không làm thay đổi dữ liệu gốc, nhưng thay đổi hoàn toàn phương thức và hệ quả xử lý dữ liệu



Vấn đề pháp lý về quản trị

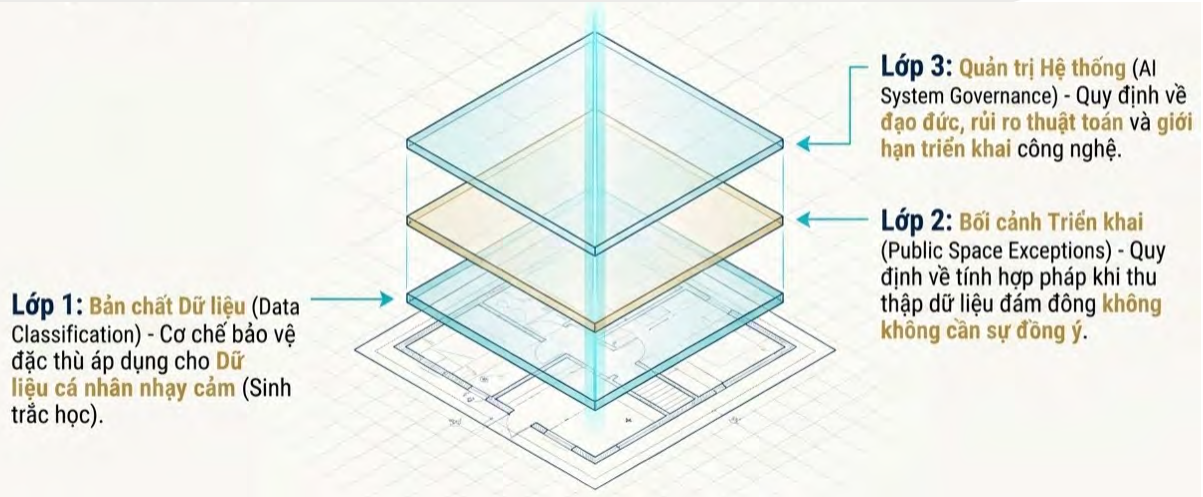
Chức năng Nhà nước và Kiểm soát rủi ro thuật toán



Cấu trúc pháp lý nhiều lớp

Xử lý dữ liệu sinh trắc học bằng TTNT trong hệ thống giám sát công cộng

→ Sự giao thoa của ba hệ thống quy phạm pháp luật



Lớp thứ 1 & 2: Điểm tương đồng trong Triết lý Quản trị

Xác định
Bản chất HĐ Dữ liệu thu thập

Việt Nam: DL sinh trắc học là Dữ liệu cá nhân nhạy cảm (Điều Luật BVDLCN 2025, NĐ 356/NĐ-CP). Yêu cầu bảo mật nghiêm ngặt.

Trung Quốc: Phân loại là Thông tin cá nhân nhạy cảm (Điều PIPL). Có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến nhân phẩm, an toàn của cá nhân.



Ngoại lệ mục đích công cộng

Việt Nam: Cho phép ghi hình nơi công cộng vì an ninh quốc gia, trật tự xã hội mà không cần chủ thể dữ liệu đồng ý (Điều 32 Luật BVDLCN 2025)

Trung Quốc: Cho phép lắp đặt thiết bị nhận diện vì an ninh công cộng không cần đồng ý, nhưng bắt buộc phải có biển thông báo rõ ràng (Điều 26 Biện pháp quản lý ứng dụng nhận diện khuôn mặt 2025)



Lớp 3: Sự khác biệt trong phương thức quản trị TTNT

VIỆT
NAM

• Tiếp cận dựa trên Rủi ro chung

- Quản lý theo Khung mức độ rủi ro của hệ thống TTNT.
- Áp dụng các nguyên tắc chung của Luật TTNT để điều chỉnh mọi hệ thống.

TRUNG
QUỐC

• Tiếp cận đặc thù theo Công nghệ

- Quản lý theo hướng dẫn cụ thể.
- Không có luật TTNT chung, ban hành Biện pháp chuyên biệt (Biện pháp Quản lý ứng dụng công nghệ nhận diện khuôn mặt).

Pháp luật Việt Nam

Trách nhiệm con người

- Thẩm quyền quyết định cuối cùng và trách nhiệm quyết định của người ra quyết định (CQNN).
- CQNN chịu trách nhiệm về việc xem xét và sử dụng kết quả do hệ thống TTNT cung cấp (Điều 27.3 Luật TTNT)

Phân loại rủi ro cao

TTNT giám sát diện rộng (Nhóm III) và TTNT xử lý dữ liệu nhạy cảm (Nhóm IV) → Hệ thống TTNT Rủi ro Cao (Dự thảo Danh mục hệ thống TTNT có rủi ro cao).

→ Nghĩa vụ: Đánh giá tác động.

Hệ thống TTNT nhận dạng sinh trắc học từ xa sử dụng trong không gian công cộng (Phụ lục III):

→ Nghĩa vụ: Chứng nhận phù hợp trước khi đưa vào sử dụng.

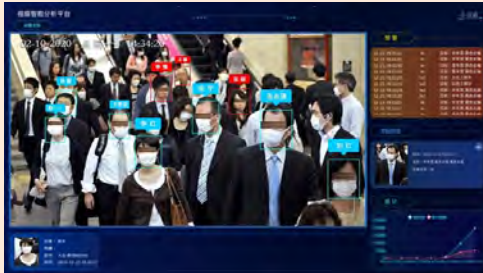


Bảo vệ Suy luận Thuật toán

Không chỉ bảo vệ hình ảnh gốc, mà bảo vệ cả dữ liệu do TTNT tạo ra nếu có thể định danh cá nhân (Điều 10 NĐ 356/NĐ-CP)

Pháp luật Trung Quốc

Biện pháp Quản lý Ứng dụng Công nghệ Nhận diện Khuôn mặt (2025)



Vùng cấm không gian

Tuyệt đối cấm lắp đặt phương tiện nhận diện khuôn mặt tại khu vực riêng tư ở không gian công cộng (nhà VS công cộng, phòng thay đồ, phòng khách sạn...)



Nguyên tắc bổ trợ

Nếu có thể sử dụng phương thức xác thực khác ít xâm phạm quyền riêng tư hơn thì không được sử dụng Nhận diện khuôn mặt



Kiểm soát vòng đời dữ liệu

Phải xóa dữ liệu sinh trắc học ngay khi mục đích quản lý đã hoàn thành. Tăng cường bảo vệ cho người khuyết tật và trẻ em.

Nhận xét

- TTNT làm thay đổi phương thức xử lý dữ liệu sinh trắc học
- Việt Nam đã hình thành khung pháp lý nền tảng.
- Sự khác biệt giữa cách tiếp cận của VN – TQ: mức độ cụ thể hoá quy định liên quan đến xử lý dữ liệu sinh trắc học bằng công cụ công nghệ chuyên biệt.

Gợi mở

Điều kiện triển khai rõ ràng

Phạm vi xử lý hạn chế ở mức cần thiết

Cơ chế kiểm soát hệ thống TTNT nghiêm ngặt

Ban hành quy định chuyên biệt theo công nghệ

Tầm nhìn Cân bằng Kỷ nguyên số



*Pháp luật quản trị TTNT không nhằm kìm hãm công nghệ,
mà để bảo đảm sức mạnh kỹ thuật số có khả năng phục vụ
an ninh quốc gia và tôn trọng quyền của công dân*

QUẢN TRỊ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH CÔNG - TỪ GÓC NHÌN LUẬT TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

ThS. Bùi Thị Hồng Trang

*Phòng Tái cấu trúc và Kiểm soát Thủ tục hành chính,
Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội*

Đặt vấn đề

Trí tuệ nhân tạo đang mở ra một giai đoạn mới trong tiến trình chuyển đổi số khu vực công. Nếu giai đoạn đầu của chuyển đổi số chủ yếu tập trung vào số hóa hồ sơ, số hóa quy trình, xây dựng cơ sở dữ liệu và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thì giai đoạn hiện nay đặt ra yêu cầu cao hơn: sử dụng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ phân tích, dự báo, tự động hóa một số khâu nghiệp vụ, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ cơ quan nhà nước trong quá trình quản lý, điều hành.

Trong lĩnh vực hành chính công, trí tuệ nhân tạo có thể được ứng dụng ở nhiều khâu: hướng dẫn thủ tục hành chính; hỗ trợ tiếp nhận, phân loại hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; tra cứu văn bản pháp luật; tổng hợp báo cáo; dự báo lưu lượng hồ sơ; cảnh báo nguy cơ chậm hạn; phát hiện bất thường trong quá trình xử lý; phân tích phản ánh, kiến nghị; đánh giá mức độ hài lòng và đề xuất phương án cải cách thủ tục hành chính. Nếu được quản trị tốt, AI có thể góp phần xây dựng nền hành chính phục vụ, minh bạch, nhanh hơn, chính xác hơn và dựa nhiều hơn vào dữ liệu.

Tuy nhiên, AI trong hành chính công không chỉ là câu chuyện công nghệ. Đây còn là vấn đề pháp lý, đạo đức công vụ, quản trị dữ liệu và kiểm soát quyền lực nhà nước. Khi AI tham gia vào quy trình hành chính, dù chỉ ở vai trò hỗ trợ, kết quả do AI tạo ra vẫn có thể ảnh hưởng đến hành vi của cán bộ, công chức, đến cách người dân chuẩn bị hồ sơ, đến việc hồ sơ được phân luồng, bị cảnh báo, bị yêu cầu bổ sung hoặc được ưu tiên xử lý. Trong một số trường hợp, AI có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Vì vậy, vấn đề trọng tâm hiện nay không còn là “có nên ứng dụng AI trong hành chính công hay không”, mà là “ứng dụng AI như thế nào để vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, vừa bảo đảm kiểm soát quyền lực công, bảo vệ dữ liệu, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và duy trì trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước”.

Luật Trí tuệ nhân tạo đã tạo lập nền tảng pháp lý quan trọng để trả lời câu hỏi đó. Từ góc nhìn của Luật, AI trong hành chính công phải được quản trị theo nguyên tắc lấy con người làm trung tâm, quản lý theo rủi ro, bảo đảm minh bạch, an toàn, công bằng, không phân biệt đối xử, có giám sát của con người và có trách nhiệm giải trình rõ ràng. Đây là những nguyên tắc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.



QUẢN TRỊ AI TRONG HÀNH CHÍNH CÔNG – TỪ GÓC NHÌN LUẬT TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Từ “ứng dụng công nghệ” đến kiểm soát rủi ro pháp lý - hành chính

AI GOVERNANCE

PUBLIC SERVICE

RISK-BASED

Bùi Thị Hồng Trang | Thạc sĩ Luật Kinh tế

QUẢN TRỊ AI TRONG HÀNH CHÍNH CÔNG

Thông điệp trung tâm

Từ “ứng dụng công nghệ” sang “quản trị rủi ro pháp lý - hành chính”

1. AI tạo tác động

Không chỉ trả lời hay xử lý dữ liệu; AI có thể định hướng hành vi của cán bộ, người dân.

2. Quyền lực công

Trong hành chính, kết quả AI có thể ảnh hưởng quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp.

3. Cần kiểm soát

Minh bạch - giám sát con người - lưu vết - đánh giá tác động - hậu kiểm.

→

Quản trị AI trong khu vực công = quản trị quyền lực công trong môi trường số có thuật toán.

02

3 câu hỏi dẫn dắt

Bài trình bày đi theo logic: nhận diện - phân loại - kiểm soát

01

AI trong hành chính công vì sao là vấn đề kiểm soát quyền lực công?

02

Mô hình quản trị theo rủi ro cần cụ thể hóa thể nào?

03

Cần bổ sung cơ chế gì để triển khai thực chất?

03

Nội dung chính

- 1 Từ công cụ kỹ thuật đến cơ chế trung gian trong thực thi quyền lực công
- 2 Quản trị rủi ro
- 3 Minh bạch, giải trình và quyền được con người xem xét
- 4 Dữ liệu và kiểm soát vòng đời hệ thống AI
- 5 Nhóm kiến nghị triển khai trong hành chính công



04

Từ công cụ kỹ thuật đến “trung gian quyền lực công”

AI không ký quyết định, nhưng có thể ảnh hưởng cách quyết định được hình thành

Đầu ra của AI

Câu trả lời, cảnh báo, phân luồng, dự báo, tóm tắt, gợi ý xử lý.

Hiệu ứng thực tế

Định hướng nhận thức và lựa chọn phương án của cán bộ xử lý hồ sơ.

Rủi ro lỗi

“Hệ thống gợi ý như vậy” không thể là lý do thay cho giải trình pháp lý.



Ranh giới đỏ: AI phục vụ con người, không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm của con người.

05

Quản trị theo rủi ro

Không kiểm soát mọi AI như nhau; kiểm soát theo tác động thực tế

THẤP

Chatbot tra cứu thủ tục
Tóm tắt văn bản
Trợ lý soạn thảo nội bộ

Dữ liệu chính thống
Cập nhật pháp lý
Thông báo giá trị tham khảo

TRUNG BÌNH

AI kiểm tra hồ sơ
Phân loại hồ sơ
Dự báo chậm hạn

Cán bộ kiểm chứng
Lưu vết cảnh báo
Đánh giá định kỳ

CAO

Hỗ trợ cấp phép/xử phạt
Chấm điểm rủi ro
Đánh giá điều kiện chính sách

Đánh giá tác động
Kiểm định độc lập
Quyền yêu cầu xem xét lại

06

Ma trận ứng dụng AI trong hành chính công

Nhận diện nhanh rủi ro - đặt đúng yêu cầu quản trị

Ứng dụng	Rủi ro chính	Yêu cầu quản trị
Chatbot	Hướng dẫn sai thủ tục	Dữ liệu chính thống + kênh gặp cán bộ
Kiểm tra hồ sơ	Cảnh báo nhầm thiếu/hợp lệ	AI chỉ hỗ trợ + cán bộ kiểm tra lại
Phân luồng	Chuyển sai cơ quan/quy trình	Công khai tiêu chí phù hợp + giải trình
Chấm điểm rủi ro	Dữ liệu sai gây thanh tra sai	Rủi ro cao + quyền phản hồi
Hỗ trợ xử phạt	Sai chủ thể/chứng cứ/mức phạt	Không tự động ra quyết định
Chính sách xã hội	Loại trừ nhầm nhóm yếu thế	Con người xem xét lại + kênh ngoài số

Tinh thần: đổi mới nhưng không tự động hóa quyền lực công thiếu kiểm soát.

07

Minh bạch + giải trình + quyền được con người xem xét

Minh bạch không chỉ là nói “có dùng AI”

Biết

AI được dùng ở khâu nào, vào việc gì

Hiểu

Kết quả AI có giá trị tham khảo hay ảnh hưởng đến hồ sơ

Hỏi

Ai kiểm chứng, ai chịu trách nhiệm giải trình

Sửa

Có kênh yêu cầu con người xem xét lại và khắc phục sai sót

Không để người dân rơi vào “vòng lặp tự động” giữa chatbot, hệ thống và thông báo lỗi mà không gặp được người có trách nhiệm.

08

Quản trị dữ liệu là nền móng của quản trị AI

Dữ liệu sai -> đầu ra sai -> giải trình yếu -> niềm tin suy giảm

Hợp pháp

Căn cứ xử lý, mục đích, quyền truy cập, thời hạn lưu trữ

Chính xác

Dữ liệu thủ tục, dân cư, doanh nghiệp, đất đai, phản ánh kiến nghị phải cập nhật

Lưu vết

Đầu vào - đầu ra - thời điểm - phiên bản hệ thống - người sử dụng

Bảo mật

Phân quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân, xử lý lộ lọt và sự cố



09

Kiểm soát vòng đời hệ thống AI

Không chỉ nghiệm thu tính năng; phải quản trị từ thiết kế đến hậu kiểm

TRƯỚC TRIỂN KHAI

Mục đích
Dữ liệu
Phân loại rủi ro
Đánh giá tác động
Thử nghiệm có kiểm soát

TRONG VẬN HÀNH

Lưu vết
Giám sát sai lệch
Tiếp nhận phản ánh
Tạm dừng khi cần
Cập nhật phiên bản

SAU TÁC ĐỘNG

Hậu kiểm
Đo lỗi và phản ánh
Đánh giá nhóm yếu tố
Chi phí - lợi ích
Mức độ tuân thủ

Cần chuẩn hóa điều khoản mua sắm/thuê dịch vụ AI: dữ liệu huấn luyện, bảo mật, lưu vết, kiểm thử độc lập, quyền tạm dừng, trách nhiệm bồi thường.

10

Điểm lưu ý: Hợp đồng AI

- ✓ Phân loại rủi ro
- ✓ Dữ liệu huấn luyện
- ✓ Bảo mật - lưu vết
- ✓ Kiểm thử độc lập
- ✓ Quyền tạm dừng hệ thống
- ✓ Trách nhiệm bồi thường



Hợp đồng AI = công cụ quản trị rủi ro pháp lý

11

07 kiến nghị triển khai theo 3 cụm

Cụm Pháp lý

- 01** Hướng dẫn riêng về phân loại AI trong hành chính công
- 02** Quy trình đánh giá tác động AI khu vực công
- 03** Quyền được thông báo, giải thích và con người xem xét lại

Cụm năng lực

- 05** Chuẩn iều khoản mua sắm, thuê dịch vụ AI
- 06** Đào tạo năng lực liên ngành: pháp lý - dữ liệu - an toàn thông tin
- 07** Gắn AI với tái cấu trúc TTHC, không “số hóa sự phức tạp”

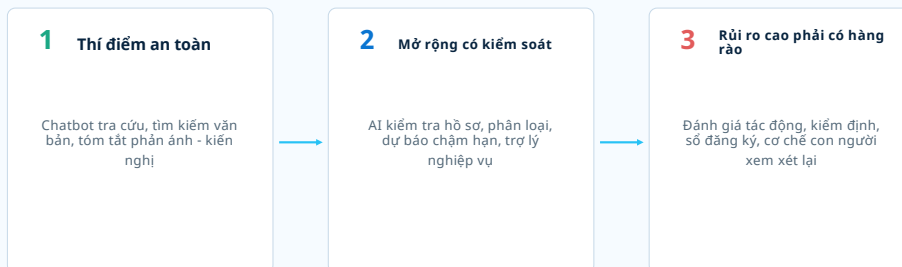
Cụm vận hành

- 04** Sở đăng ký hoặc cơ chế báo cáo hệ thống AI

12

Lộ trình áp dụng thực tiễn

Làm nhỏ, kiểm soát chặt, mở rộng có điều kiện



Nguyên tắc triển khai: không dùng AI để “số hóa sự phức tạp”, mà dùng AI để tái cấu trúc quy trình và giảm gánh nặng tuân thủ.

13

KẾT LUẬN

**AI tốt không chỉ là AI chạy nhanh.
AI tốt trong hành chính công là AI giúp Nhà nước phục vụ tốt hơn -
nhưng vẫn giải trình được.**

Đúng mục đích | Đúng dữ liệu | Đúng thẩm quyền | Đúng mức rủi ro | Đúng trách nhiệm | Đúng pháp luật

Xin trân trọng cảm ơn!

PHÂN BỐ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI GIỮA CÁC CHỦ THỂ TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO: KINH NGHIỆM TỪ PHÁP LUẬT LIÊN MINH CHÂU ÂU

NCS. ThS. Văn Thị Hồng Nhung

Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Chuỗi giá trị trí tuệ nhân tạo bao gồm nhiều chủ thể có vai trò phức tạp, đan xen lẫn nhau, vận hành theo cấu trúc mạng lưới thay vì chuỗi cung ứng tuyến tính. Cấu trúc này cùng với các đặc tính của hệ thống trí tuệ nhân tạo khiến cho việc xác định chủ thể chịu trách nhiệm khi xảy ra thiệt hại trở nên phức tạp. Bài viết làm rõ các quy định của pháp luật Liên minh châu Âu trong phân bổ trách nhiệm bồi thường thiệt hại giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị trí tuệ nhân tạo. Trên cơ sở đối chiếu với pháp luật Việt Nam, bài viết gợi mở một số giải pháp nhằm làm rõ và đồng bộ cơ chế phân bổ trách nhiệm bồi thường thiệt hại giữa các chủ thể một cách hiệu quả.

Từ khóa: chuỗi giá trị trí tuệ nhân tạo; phân bổ trách nhiệm; trách nhiệm sản phẩm; trách nhiệm liên đới.

ĐỊNH DANH HÀNH VI VÀ CHỦ THỂ TRONG HỆ SINH THÁI TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH: TIẾP CẬN TỪ LÝ THUYẾT QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

LS. Phạm Ngọc Dũng
Văn phòng Luật sư Gia Thành

Giới thiệu

Bối cảnh và khoảng trống nghiên cứu

Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative Artificial Intelligence - Generative AI) đang làm thay đổi căn bản cách thức con người tạo lập, xử lý và khai thác thông tin. Khác với các hệ thống AI truyền thống chủ yếu thực hiện chức năng dự đoán hoặc hỗ trợ ra quyết định, AI tạo sinh có khả năng tạo ra các sản phẩm mới như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video hoặc mã nguồn máy tính. Công nghệ này hiện được ứng dụng rộng rãi trong hoạt động kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công và nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Bên cạnh những lợi ích đáng kể, AI tạo sinh cũng đặt ra nhiều thách thức pháp lý mới. Trong nhiều trường hợp, đầu ra của AI có thể dẫn đến các hậu quả pháp lý như cung cấp thông tin sai lệch, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm quyền riêng tư hoặc gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân. Khi đó, việc xác định chủ thể phải chịu trách nhiệm trở thành một vấn đề phức tạp do quá trình hình thành đầu ra của AI thường có sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau. Các nghiên cứu hiện nay về AI và pháp luật chủ yếu tập trung vào các vấn đề như bảo vệ dữ liệu cá nhân, đạo đức AI, quyền sở hữu trí tuệ hoặc trách nhiệm đối với thiệt hại do AI gây ra. Tuy nhiên, một khoảng trống nghiên cứu quan trọng vẫn tồn tại, đó là việc nhận diện các hành vi và chủ thể tham gia trong quá trình tạo lập đầu ra của AI. Trên thực tế, đầu ra của AI tạo sinh không phải là sản phẩm của một chủ thể duy nhất mà được hình thành từ sự tương tác giữa nhà phát triển, nhà cung cấp, đơn vị triển khai, tổ chức sử dụng và người trực tiếp tương tác với hệ thống AI thông qua các chỉ dẫn đầu vào (prompt).

Đặc biệt, cùng với sự phổ biến của AI tạo sinh, hành vi Prompting ngày càng có ảnh hưởng đáng kể đến nội dung và mục đích sử dụng của đầu ra AI.[6] Tuy nhiên, vai trò pháp lý của hành vi này vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ trong các công trình học thuật cũng như trong các khuôn khổ quản trị AI hiện hành. Điều này dẫn đến nguy cơ hình thành khoảng trống trách nhiệm và làm suy giảm hiệu quả của các cơ chế quản trị rủi ro đối với AI. [...]

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ NHẬN DIỆN VÀ KIỂM SOÁT HỆ THỐNG AI RỦI RO CAO TRONG HÀNH CHÍNH CÔNG: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

Hoàng Quế Anh
Nguyễn Trung Kiên
Đại học Luật Hà Nội

Tóm tắt

Bài viết phân tích cơ chế nhận diện và kiểm soát hệ thống trí tuệ nhân tạo rủi ro cao trong hành chính công, dựa trên nghiên cứu so sánh kinh nghiệm pháp luật của Liên minh châu Âu và Trung Quốc. Liên minh châu Âu xây dựng đạo luật thống nhất với danh mục cụ thể và cơ chế đánh giá tác động đến quyền cơ bản, trong khi Trung Quốc lựa chọn cách tiếp cận phân tán theo từng loại ứng dụng công nghệ. Hai mô hình này phản ánh hai triết lý quản trị khác nhau, tạo cơ sở so sánh để đánh giá pháp luật Việt Nam. Pháp luật Việt Nam đã bước đầu hình thành khung quản lý AI dựa trên rủi ro, nhưng còn thiếu danh mục hệ thống AI rủi ro cao, cơ chế đánh giá tác động độc lập, cụ thể và quy định bảo vệ dữ liệu riêng cho hành chính công. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật, hướng tới nền hành chính số an toàn, minh bạch và lấy người dân làm trung tâm.

Từ khóa: *trí tuệ nhân tạo rủi ro cao, hành chính công, nhận diện và kiểm soát, pháp luật so sánh.*

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN HOA KỲ, TRUNG QUỐC VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

Lê Văn Quý

Học viên cao học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Ngọc Tiên

Học viên cao học, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu thực tiễn ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động xét xử tại Hoa Kỳ và Trung Quốc — hai quốc gia đi đầu với hai mô hình khác biệt. Trong khi Hoa Kỳ tập trung sử dụng các thuật toán thương mại (như COMPAS) để đánh giá rủi ro tái án và hỗ trợ lượng hình, Trung Quốc lại xây dựng hệ thống "Tòa án thông minh" tích hợp toàn diện nhằm tự động hóa quy trình, hỗ trợ thẩm phán soạn thảo bản án và giám sát tính đồng bộ của pháp luật. Qua việc phân tích những thành tựu về nâng cao hiệu suất và thách thức về tính minh bạch, thiên vị thuật toán của hai mô hình này, bài viết rút ra các bài học kinh nghiệm và giá trị tham khảo cốt lõi cho Việt Nam. Từ đó, đề xuất lộ trình xây dựng Tòa án điện tử định hướng AI phù hợp với đặc thù hệ thống pháp luật nước nhà.

Từ khóa: *AI, Hoa Kỳ, Tòa án, Trung Quốc, Việt Nam*